

4V

Ng2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN QUÝ VINH

Tìm hiểu

TỰ NHIÊN

VÀ

XÃ HỘI

4



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tìm hiểu

**TỰ NHIÊN
VÀ
XÃ HỘI 4**

NGUYỄN QUÝ VINH

(Sách dùng cho các vùng dân tộc
phát triển giáo dục gặp nhiều khó khăn)

(In lần thứ 2)

KHAI XUẤT BAN GIÁO DỤC
THƯ VIỆN TƯ LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1992

Tìm hiểu

TỰ NHIÊN

VÀ

XÃ HỘI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC DÂN TỘC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chịu trách nhiệm về nội dung

Biên soạn: NGUYỄN QUÝ VINH

Biên tập: TRƯƠNG THỊ LIÊN

Biên tập tái bản: TRƯƠNG THỊ LIÊN

Biên tập mỹ thuật: CAO HÒA BÌNH

Trình bày bìa: VÕ TẠ HÙNG

Biên tập kỹ thuật: ĐOÀN HỒNG

Sửa bản in: LÊ NHƯ HÀ

Tìm hiểu tự nhiên và xã hội 4: Sách dùng cho các vùng dân tộc phát triển giáo dục gặp nhiều khó khăn / Nguyễn Quý Vinh. In lần thứ 2. H.: Giáo dục, 1992. — 60 tr; 20,5cm

5(075)

Để cho đôi mắt luôn trong sáng, không bị đau, chúng ta phải giữ đôi mắt sạch sẽ, không bao giờ dùng tay bẩn dụi vào mắt, phải rửa mắt bằng nước sạch.

CHƯƠNG I

VỀ SINH

Khi ngồi học phải chọn nơi sáng sủa, không để sách quá gần hoặc quá xa mắt, không nhìn ánh sáng chói quá. Để cho đôi mắt luôn trong sáng, chúng ta phải rửa mắt bằng nước sạch, cổ chân, tay bằng nước sạch, cổ chân một tiếng, không dùng chung khăn mặt với người khác.

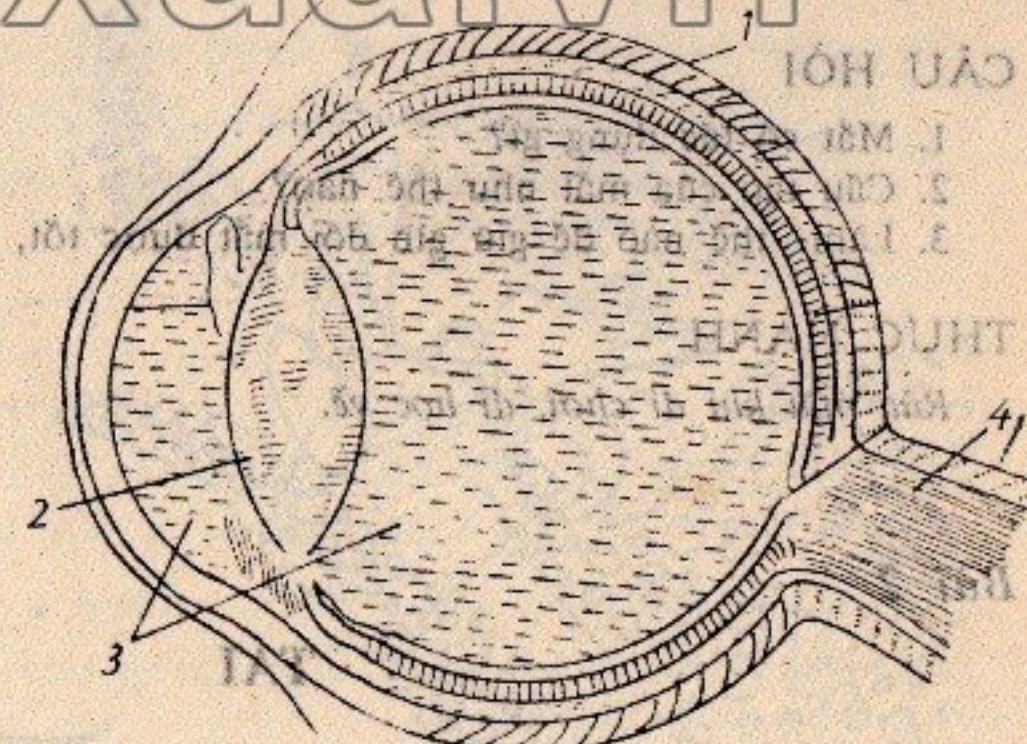
MẮT

Bài 1

Mỗi người đều có hai mắt. Nhờ có mắt mà ta nhìn thấy bạn bè, thầy, cô giáo, ông, bà, cha, mẹ... ta phân biệt được các màu sắc, hình dáng, kích thước của mọi vật xung quanh.

1. Cấu tạo

Mắt gồm cầu mắt có hình dáng giống hòn bi, ngoài cùng là một lớp trong suốt gọi là giác mạc, bên trong có thủy tinh thể, thủy tinh dịch và các dây thần kinh. Ngoài ra, mắt còn có tuyến nước mắt, có lông mày, lông mi để ngăn mờ bụi, bẩn vào mắt.



Hình 1 — Cấu tạo mắt

1. Giác mạc. 2. Thủy tinh thể. 3. Thủy tinh dịch. 4. Dây thần kinh

2. Cách bảo vệ mắt

Để cho đôi mắt luôn trong sáng, không bị đau, chúng ta phải giữ đôi mắt sạch sẽ, không bao giờ dùng tay bẩn dụi vào mắt, phải rửa mắt bằng nước sạch.

Khi ngồi học phải chọn nơi sáng sủa, không để sách quá gần hoặc quá xa mắt, không nhìn ánh sáng chói quá. Đi chơi, đi học về phải rửa mặt, chân, tay bằng nước sạch, có khăn mặt riêng, không dùng chung khăn mặt với người khác.

Khi mắt bị đau phải đến trạm y tế khám, chữa, không được tự bôi hay đắp bất cứ thứ gì vào mắt.

CÂU HỎI

1. Mắt có tác dụng gì?
2. Cấu tạo của mắt như thế nào?
3. Làm thế nào để giữ gìn đôi mắt được tốt, không bị đau?

THỰC HÀNH

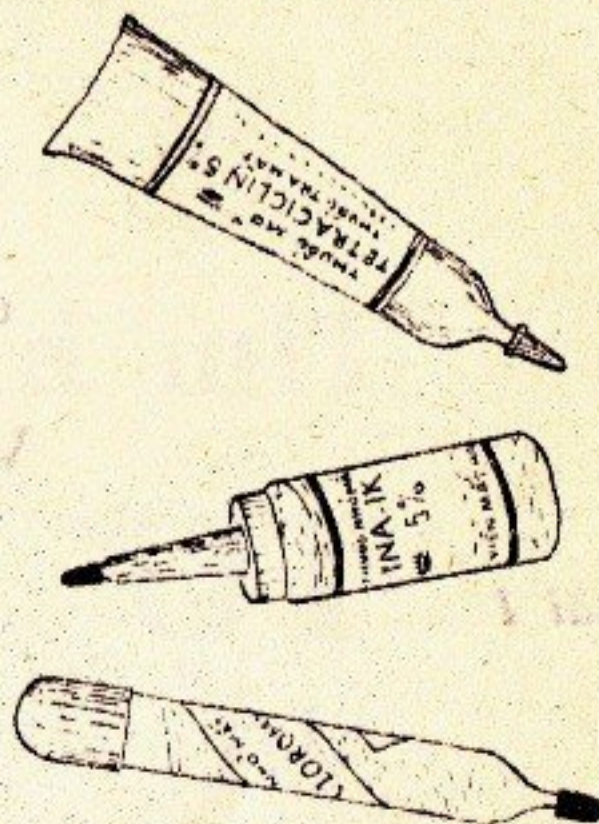
Rửa mặt khi đi chơi, đi học về.

Bài 2

TAI

Người ta có hai tai để nghe các tiếng động, nghe bài giảng, nghe điều hay lẽ phải...

Nhờ có tai mà chúng ta đi lại không bị ngã tức là ta giữ được thăng bằng.



Hình 2
Một vài loại thuốc nhỏ mắt.

1. Cấu tạo

Tai gồm có ba phần là: tai ngoài, tai giữa, tai trong.

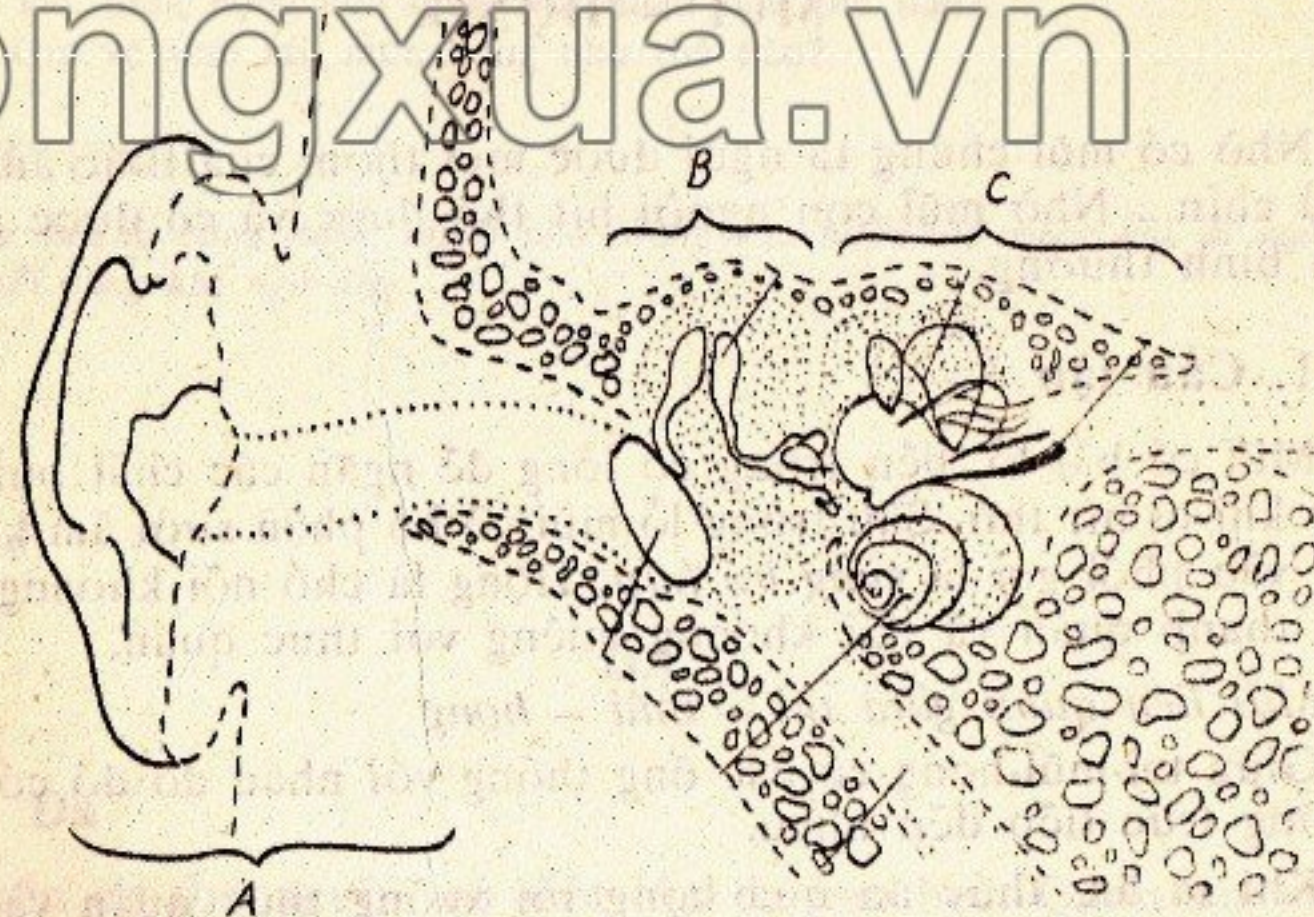
Tai ngoài gồm có vành tai như cái loa và có ống tai sâu vào trong, các ráy tai được hình thành ở đây để ngăn giữ các chất bụi bẩn không chui vào trong tai.

Tai giữa có màng nhĩ, nhờ màng này mà ta nghe được. Ở bộ phận này có các ống thông với mũi và họng.

Tai trong là phần trong cùng. Ở đây có bộ phận giữ cho cơ thể thăng bằng.

2. Cách bảo vệ tai

Muốn tai nghe được tốt ta phải biết cách giữ gìn và bảo vệ đôi tai sạch sẽ bằng cách thường xuyên rửa, ngoáy sạch lỗ tai. Khi ngoáy tai phải chú ý: dùng bông sạch quấn vào đầu que tăm nhỏ đưa vào lỗ tai xoay nhẹ. Không được dùng que nhọn, cứng chọc vào lỗ tai. Không được để nước vào lỗ tai.



Hình 3 — Cấu tạo tai:
A — Tai ngoài. B — Tai giữa. C — Tai trong

Khi có tiếng động quá mạnh phải bịt tai lại để bảo vệ màng nhĩ khỏi bị thủng.

Nếu tai có bệnh (thối tai, ù tai, lở, loét tai...) phải đến trạm xá chữa và bôi thuốc, không tự động bôi bất cứ thứ gì vào tai.

CÂU HỎI

1. Tai có tác dụng gì?
2. Cấu tạo của tai như thế nào?
3. Bảo vệ tai như thế nào?

THỰC HÀNH

Bài 3

MŨI - HỌNG

Nhờ có mũi chúng ta ngửi được mùi thơm của thức ăn, hoa quả chín... Nhờ mũi con người hít thở được và có được giọng nói bình thường.

1. Cấu tạo

Mũi có hai lỗ, bên trong có lông để ngăn các chất bụi bẩn vào khi ta hít thở. Sâu trong lỗ mũi có bộ phận sưởi ấm không khí vào phổi gọi là *vùng hô hấp*. Họng là chỗ nối khoang mũi với thanh quản và nối khoang miệng với thực quản.

Mối liên quan giữa tai - mũi - họng

Giữa tai-mũi-họng có các ống thông với nhau do đó có ảnh hưởng trực tiếp đến nhau.

Khi ta ăn, thức ăn qua họng rồi xuống thực quản vào dạ dày hoặc khi ta hít không khí vào phổi, không khí cũng qua họng rồi qua khí quản vào phổi. Do đó họng là chỗ nối giữa mũi và miệng với tai.

2. Vệ sinh tai-mũi-họng

Muốn giữ gìn tai-mũi-họng tốt ta phải biết cách giữ gìn vệ sinh sạch sẽ từng bộ phận. Sau khi ăn xong hoặc đi chơi về phải súc miệng bằng nước sạch. Buổi tối trước khi đi ngủ và sáng sớm khi ngủ dậy phải chải răng, sau đó ta súc miệng bằng nước muối pha loãng để giữ họng sạch sẽ. Ngoài ra người ta còn phải biết tập luyện để các bộ phận làm việc đúng nhiệm vụ của nó.

Cụ thể là:

- Phải thở bằng mũi, không được thở bằng mồm.
- Trong khi ăn, uống không cười đùa để làm thức ăn rơi vào phổi - bị sặc.

Khi bị viêm mũi, họng phải đến trạm xá khám, điều trị bằng thuốc theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

CÂU HỎI

1. Tai, mũi, họng liên quan với nhau như thế nào?
2. Giữ vệ sinh tai, mũi, họng như thế nào?

THỰC HÀNH

Súc miệng bằng nước muối pha loãng vào buổi tối trước khi đi ngủ và buổi sáng khi ngủ dậy.

Bài 4

DA

1. Da

Trên cơ thể người, có một lớp da bao bọc. Quan sát kĩ ta thấy từ da có các lông nhỏ mọc lên. Vào những ngày trời nóng ta thấy da có nước ướt đó là mồ hôi từ tuyến mồ hôi ở da tiết ra.

Nhiệm vụ của da

Do bao bọc khắp bề mặt cơ thể nên da giúp các bộ phận bên trong tránh được các va quệt từ các vật bên ngoài, ngăn được vi trùng, bụi bẩn từ bên ngoài chui vào trong cơ thể, đồng thời ngăn được nước từ cơ thể thẩm ra ngoài. Như vậy, da làm nhiệm vụ: *bảo vệ cơ thể*.

Khi trời nóng, da tiết mồ hôi làm mát cơ thể; khi trời lạnh, da co lại giữ ấm cơ thể. Do đó, da làm nhiệm vụ: *giữ nhiệt cho cơ thể*.

Khi bị gai cào vào da, ta thấy đau; khi đưa tay vào gần bếp lửa, ta thấy nóng... Như thế là da làm nhiệm vụ: *cho chúng ta cảm giác*.

2. Vệ sinh da

Da là bộ phận rất quan trọng, lại thường tiếp xúc với môi trường bên ngoài, dễ bị bụi bẩn bám vào nên ta phải thường xuyên tắm, rửa, mặc quần áo sạch để giữ cho da được sạch sẽ.

Trời lạnh, một tuần tắm một hoặc hai lần. Trời nóng, mỗi ngày tắm một hoặc hai lần. Ngoài ra, cần phải chú ý giữ gìn không để da bị sây sát, không sờ vào những vật nóng quá hay lạnh quá. Khi có bệnh ở da như ghẻ, lở, hắc bào... phải đi khám, không tự ý bôi các chất lên da làm da bị hỏng.

CÂU HỎI

1. Nêu nhiệm vụ của da.
2. Làm thế nào để giữ vệ sinh da?

THỰC HÀNH

Tắm, rửa thường xuyên.

Bài 5

BỘ XƯƠNG

Cơ thể người ta có nhiều xương làm thành bộ xương. Nhờ có bộ xương mà các phần mềm của cơ thể có chỗ bám, tạo cho cơ thể có một hình dạng nhất định, chắc chắn. Như vậy, bộ xương có nhiệm vụ tạo thành cái khung để bảo vệ các cơ quan trong cơ thể. Ngoài ra, bộ xương cùng với các cơ bám vào giúp cho con người đi lại, vận động được.

1. Cấu tạo

Bộ xương gồm nhiều chiếc xương nối với nhau bằng các khớp xương. Có những khớp xương cố định như xương đầu, xương mặt. Có những khớp xương không cố định, như xương cổ, xương vai, xương tay, xương chân... Nhờ những khớp này mà người ta cử động được. Trong bộ xương, cột xương sống là phần quan trọng nhất, nó chịu toàn bộ sức nặng của cơ thể.

Xương sống của những người còn trẻ thì mềm mại, dễ uốn, xương sống của người lớn tuổi thì cứng và khó cử động hơn, vì thế trẻ em nếu không rèn luyện, dễ bị cong vẹo cột sống, dễ bị sai khớp. Người già xương cứng nhưng giòn, dễ gãy.

CÂU HỎI

1. Bộ xương có tác dụng gì?
2. Cấu tạo bộ xương như thế nào?

THỰC HÀNH

Ngồi học đúng tư thế.

BỘ XƯƠNG

(tiếp theo)

2. Giữ gìn và bảo vệ bộ xương

Bộ xương lớn lên cùng với cơ thể, ở trẻ em xương nhỏ, mềm, ở người lớn xương to, cứng.

Trong thực tế không phải người nào cũng có bộ xương phát triển đều đặn, cân đối. Muốn có bộ xương phát triển đều đặn, cân đối ta phải biết giữ gìn và bảo vệ bộ xương. Các em học sinh, bộ xương còn mềm, dẻo, dễ uốn, do đó phải chú ý rèn luyện đi đứng, ngồi học đúng tư thế để tránh cột sống bị cong vẹo.

Không mang, vác các vật quá nặng. Khi mang các đồ vật phải chia đều ở cả hai tay, tránh bị lệch người, vẹo xương. Ngoài ra, muốn bộ xương phát triển đều đặn, cân đối ta phải tập thể dục hàng ngày.

Trong quá trình vận động (đi lại, chạy, nhảy...) có thể sợ ý ta bị vấp, ngã, gây tác hại đến xương như: sai khớp xương hoặc gãy xương. Khi đó cần phải giữ nguyên cho xương cố định, tuyệt đối không nắn bóp, xê dịch xương, gây đau đớn cho người bị nạn.

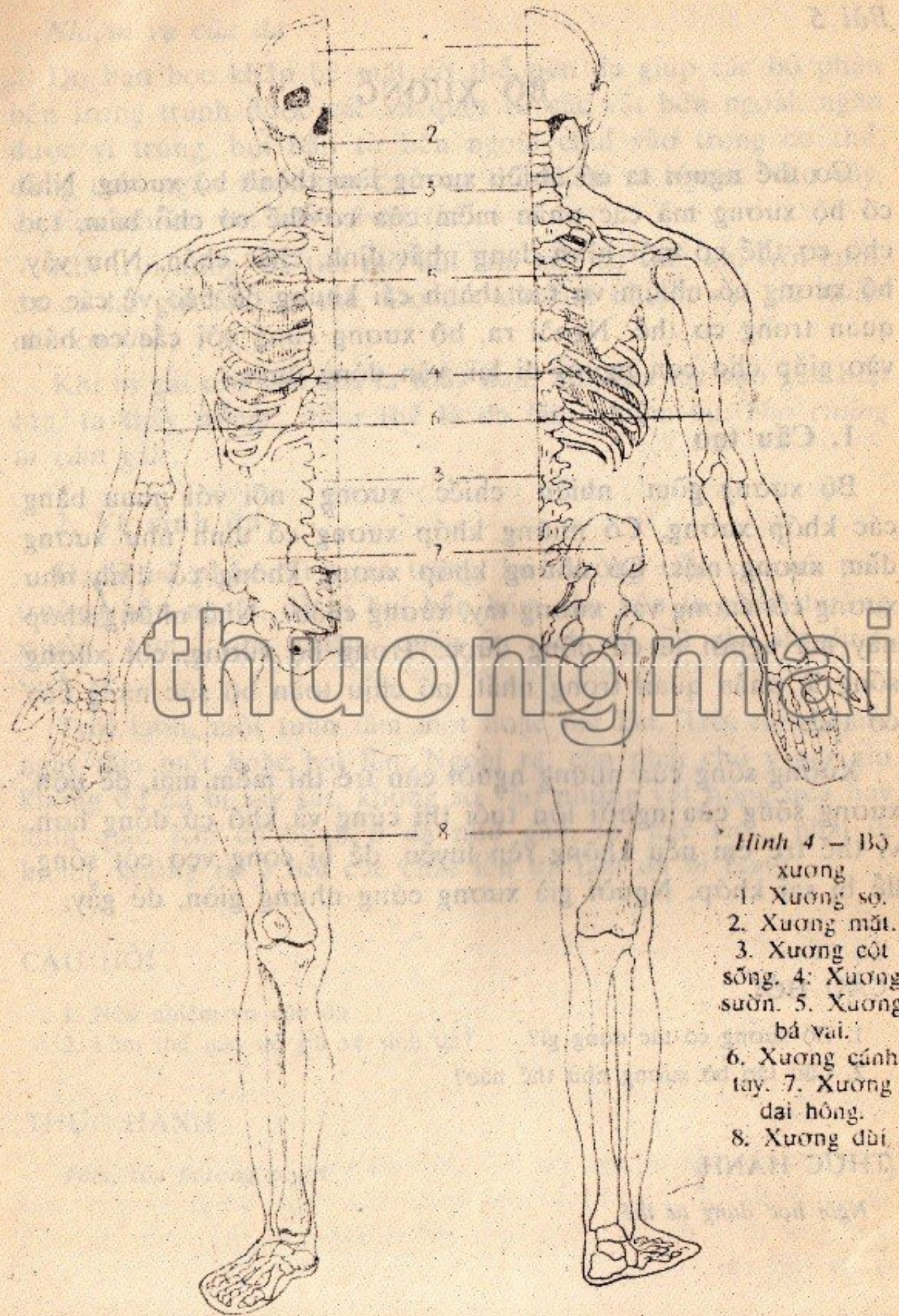
Muốn giữ yên vị trí xương của người bị nạn, người ta dùng những thanh tre hay gỗ mỏng để sát vào chỗ xương gãy rồi dùng băng hoặc dây bó lại, sau đó đưa người bị nạn đến trạm y tế gần nhất.

CÂU HỎI

1. Làm thế nào để giữ gìn và bảo vệ được bộ xương?
2. Khi xương gãy em phải làm gì?

THỰC HÀNH

1. Tập thể dục hàng ngày.
2. Tập băng bó chỗ xương gãy.



Hình 4 - Bộ xương

1. Xương sọ.
2. Xương mắt.
3. Xương cột sống.
4. Xương sườn.
5. Xương bả vai.
6. Xương cánh tay.
7. Xương đai hông.
8. Xương đùi.

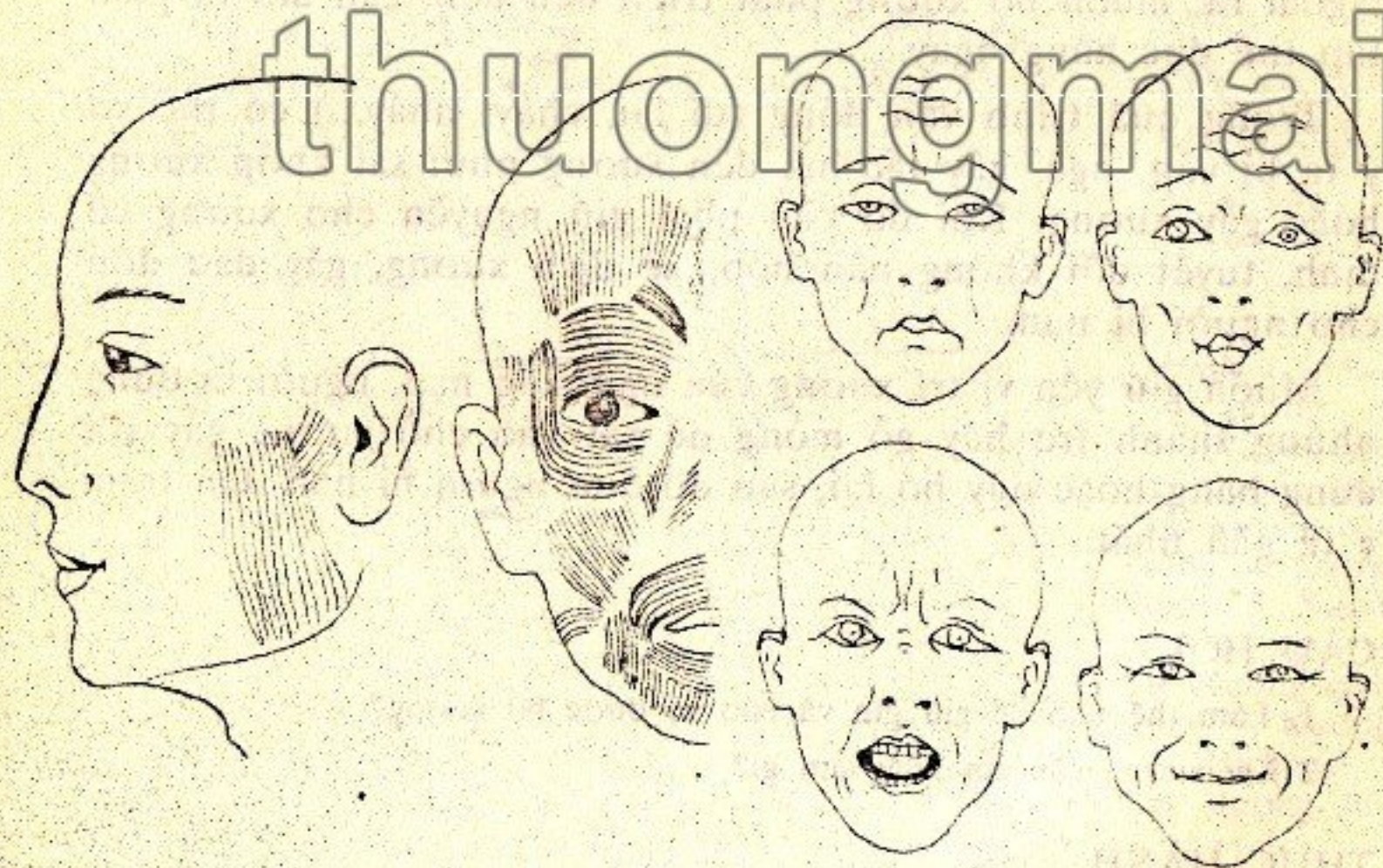
CƠ - LUYỆN TẬP CƠ

Người ta vận động được là nhờ bộ xương và các cơ (ta quen gọi là thịt nạc).

1. Cấu tạo

Cơ có nhiều mạch máu và các dây thần kinh. Khi tay bị bỏng, bị làm đau... ta rụt lại hay khi vui mừng, tức giận điều gì ta đều thể hiện trên nét mặt, đó là do cơ có khả năng dẫn ra và co lại hay còn gọi là sự co cơ.

Trong cơ thể người có rất nhiều cơ như: cơ mặt, cơ đầu, cơ cổ, cơ lưng, cơ ngực, cơ bụng, cơ vai, cơ tay, cơ mông, cơ chân...



Hình 5 - Các vẽ mặt biểu hiện qua sự co cơ

2. Luyện tập cơ

Khi làm việc lâu, ta thấy mệt mỏi, đó là do sự mệt mỏi cơ. Nếu cố mãi cơ sẽ bị co lại, cơ bị co nhiều có thể gây ra hiện tượng chuột rút. Muốn cơ phát triển, ít mệt mỏi, ta thường phải luyện tập cơ, cụ thể là:

Phải chăm tập thể dục, chơi thể thao, chịu khó lao động chân tay. Người lao động chân tay nhiều có bắp chân, bắp tay to hơn người ít lao động chân tay là vì thế.

Khi cơ bị mỏi, ta cần phải nghỉ ngơi, xoa bóp nhẹ nhàng chỗ cơ mỏi, không nên cố quá có thể sẽ bị co cơ rất nguy hiểm.

CÂU HỎI

1. Nhờ đâu con người đi lại, lao động được?
2. Vì sao khi buồn, giận hay vui mừng ta lại thể hiện được ở nét mặt?
3. Làm thế nào để cơ phát triển tốt?

THỰC HÀNH

Tập luyện một môn thể thao.

Bài 8

THỨC ĂN VÀ VỆ SINH ĂN UỐNG

1. Thức ăn

Con người phải ăn uống mới sống, lớn lên và làm việc được.

Thức ăn chính là nguồn cung cấp các chất cần thiết làm cho cơ thể sống và phát triển.

Nhìn chung tất cả các loại thức ăn đều có chứa các chất cần thiết cho cơ thể như chất bột đường (còn gọi là glu-xit) thường có nhiều trong cơm, khoai, sắn...

Chất đạm (còn gọi là prô-tê-in) thường có nhiều trong thịt, cá, trứng, đậu...

Chất dầu mỡ (còn gọi là lipit) thường có nhiều trong mỡ, lạc, vừng...

Ngoài ra trong thức ăn còn có nước, các muối khoáng và vi-ta-min.

2. Vệ sinh ăn uống

Muốn cơ thể khỏe mạnh, ngoài việc ăn uống đầy đủ người ta phải biết cách ăn uống hợp vệ sinh. Cụ thể là:

a) Ăn ngon miệng

Để ăn ngon miệng, không nhất thiết phải có thức ăn ngon mà phải biết thường xuyên thay đổi món ăn, ăn uống hợp với ý thích, thức ăn không quá mặn hoặc quá nhạt.

Muốn ăn ngon miệng còn cần phải biết xếp mâm cơm cho đẹp mắt, đồng thời phải biết tạo ra không khí vui vẻ, đầm ấm trong bữa ăn, ăn đúng bữa, không ăn vặt.

b) Ăn sạch sẽ

Để giữ gìn vệ sinh ăn uống ta phải giữ thức ăn và các đồ đựng thức ăn sạch sẽ.

Trước khi ăn phải rửa tay sạch và rửa bát, đĩa thật sạch sau khi ăn.

Đối với các thức ăn đã ôi, thiu tuyệt đối không được ăn. Thức ăn còn thừa phải che đậy cẩn thận, ngăn không cho ruồi, nhặng, bụi bẩn bám vào.

CÂU HỎI

1. Thức ăn cần cho con người như thế nào?
2. Thức ăn gồm có những chất gì?
3. Thế nào là ăn uống hợp vệ sinh?

THỰC HÀNH

Không ăn thức ăn đã ôi, thiu, không ăn thức ăn thừa mà không che đậy cẩn thận.

Bài 9

SỰ TIÊU HÓA THỨC ĂN

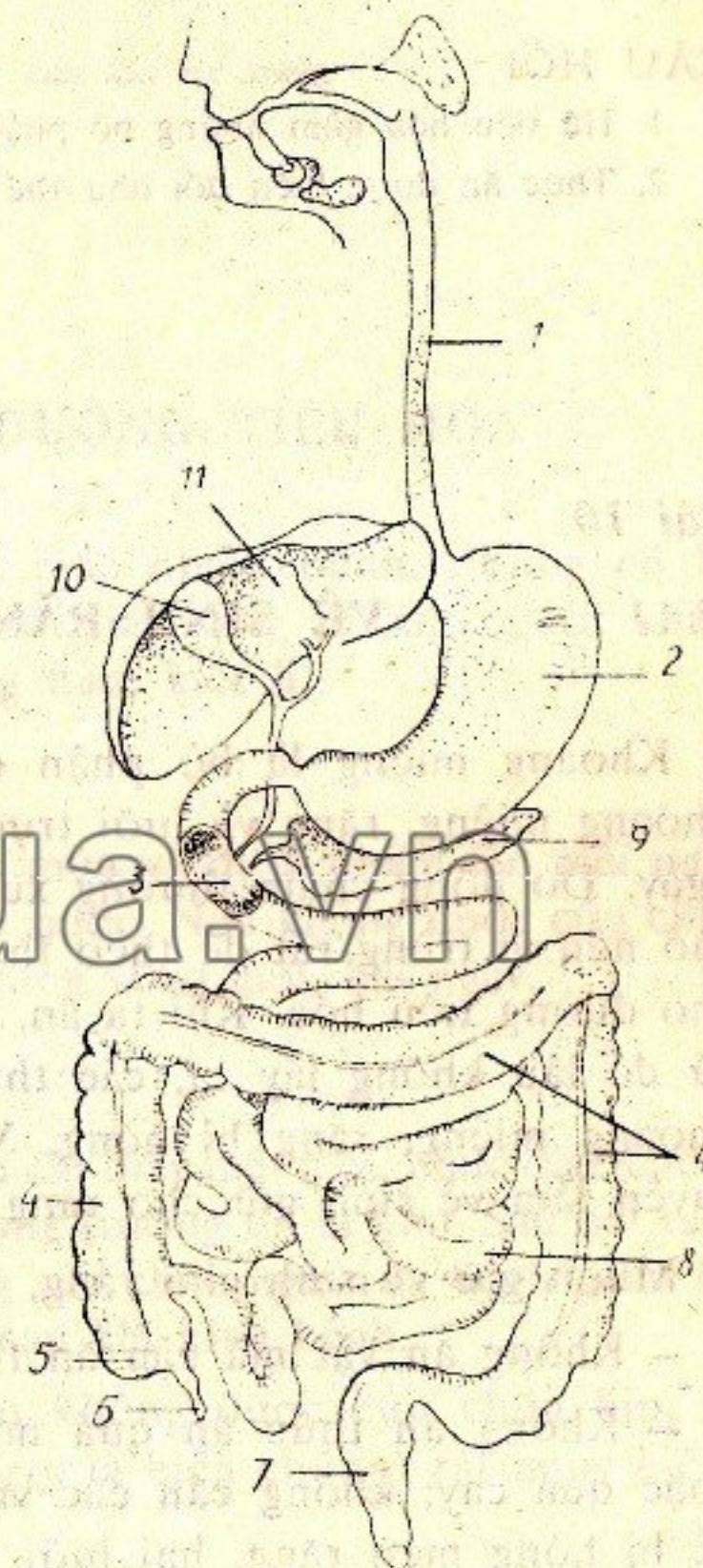
Sự tiêu hóa thức ăn là sự biến đổi từ thức ăn thành chất nuôi sống cơ thể. Các bộ phận làm nhiệm vụ biến đổi này gọi là hệ tiêu hóa.

Hệ tiêu hóa gồm có: miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, hậu môn.

Khi ta đưa thức ăn vào miệng, nhờ răng nhai, các thức ăn được nghiền nhỏ trộn với nước bọt thành một chất nhão, được lưỡi đẩy xuống hầu để đi vào ống thực quản xuống dạ dày.

Ở dạ dày thức ăn được nhào trộn cùng với các chất do dạ dày tiết ra (gọi là dịch vị) sau đó xuống ruột non. Ở ruột non thức ăn tiếp tục được biến đổi nhờ các chất do gan, mật, tụy và ruột tiết ra (gọi là dịch tụy, mật và dịch ruột) tạo thành chất bổ ngấm qua thành ruột đi nuôi cơ thể.

Thực tế không phải tất cả thức ăn đều biến thành



Hình 6 — Cơ quan tiêu hóa
1. Thực quản. 2. Dạ dày. 3. Tá tràng.
4. Ruột già. 5. Manh tràng. 6. Ruột thừa.
7. Ruột thẳng. 8. Ruột non.
9. Tụy. 10. Túi mật. 11. Gan

chất bổ nuôi sống cơ thể mà còn một phần là chất cặn bã, những chất này được đưa xuống ruột già và đẩy ra ngoài qua đường hậu môn.

CÂU HỎI

1. Hệ tiêu hóa gồm những bộ phận nào?
2. Thức ăn được biến đổi như thế nào trong hệ tiêu hóa?

Bài 10

VỆ SINH RĂNG - MIỆNG

Khoang miệng là bộ phận đầu tiên của hệ tiêu hóa. Ở khoang miệng, răng và lưỡi trực tiếp chạm vào thức ăn hằng ngày. Do đó răng thường xuyên với thức ăn từ ngoài đưa vào nên vi trùng rất dễ theo thức ăn vào miệng gây các bệnh cho đường tiêu hóa. Khi ta ăn, thức ăn giắt vào kẽ răng, nếu cứ để lâu không lấy ra, các thức ăn này sẽ bị hôi thối làm khoang miệng, răng bị hỏng. Vì thế chúng ta phải thường xuyên làm vệ sinh giữ cho răng, miệng luôn sạch sẽ.

Muốn giữ vệ sinh cho răng, miệng chúng ta phải lưu ý:

- Không ăn vặt mà cần ăn thành bữa.
- Không ăn thức ăn quá nóng hoặc quá lạnh, quá chua hoặc quá cay; không cắn các vật quá cứng, làm như vậy rất dễ bị hỏng men răng, hại lưỡi. Sau bữa ăn phải uống nước, súc miệng bằng nước sôi để nguội cho hết các thức ăn bám ở răng, lưỡi.
- Hằng ngày phải đánh răng hai lần vào buổi sáng sau khi ngủ dậy và buổi tối trước khi đi ngủ.

CÂU HỎI

1. Muốn giữ vệ sinh răng, miệng em phải làm gì?
2. Em phải tránh những điều gì để giữ vệ sinh răng, miệng?

THỰC HÀNH

Đánh răng hằng ngày, uống nước sau khi ăn xong.

Bài 11

CÁC BỆNH VỀ ĐƯỜNG TIÊU HÓA

Đường tiêu hóa có thể bị mắc nhiều bệnh, nhưng có ba loại nguy hiểm, dễ lây từ người này sang người khác, đó là các bệnh thổ tả, thương hàn, kiết lỵ.

1. Bệnh thổ tả

Người mắc bệnh này bị nôn mửa và đi ỉa nhiều lần mỗi ngày nên người rất mệt, mệt và khát nước. Nếu không được cứu chữa kịp có thể bị chết rất nhanh trong vòng một, hai ngày.

2. Bệnh thương hàn

Người mắc bệnh này đầu tiên chỉ thấy mệt mỏi, nhức đầu, chóng mặt, ù tai, sau đó bị sốt cao, bụng trương to, ỉa khó. Sau hai tuần thì có thể tự nhiên khỏi nhưng sức khỏe người bị bệnh giảm rất nhanh và lâu hồi phục trở lại sau khi khỏi bệnh.

Trong thời kì bị bệnh nếu không được cứu chữa kịp, có thể gây ra những bệnh khác (gọi là biến chứng) rất nguy hiểm, dễ gây ra chết người.

3. Bệnh kiết lỵ

Người mắc bệnh kiết lỵ tự nhiên thấy đau quặn ở bụng dưới, đi ỉa ít, phân có lẫn máu và chất nhầy như mũi nhưng đi nhiều lần mỗi ngày, người rất mệt mỏi.

a) Nguyên nhân mắc bệnh

Có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do không biết giữ vệ sinh, một người bị bệnh rồi ruồi, nhặng mang các vi khuẩn trong chất nôn, trong phân của người bệnh, đậu vào thức ăn, nước uống, truyền vi khuẩn cho người khỏe thể là người khỏe mắc bệnh. Ngoài ra, khi rửa đồ dùng của người bệnh ta không cẩn thận cũng lại truyền vi khuẩn này cho những người khác. Do đó không được mang các đồ dùng của người bệnh ra nơi công cộng rửa.

b) Cách phòng chống

Ruồi, nhặng và nước là các yếu tố truyền bệnh mạnh, do đó, muốn phòng, chống các bệnh đường tiêu hóa ta phải tích cực diệt ruồi, nhặng, uống nước đun sôi, thức ăn còn thừa phải cất cẩn thận.

Khi xã, bản, buôn, sóc tổ chức tiêm phòng bệnh thì mọi người phải đi tiêm đầy đủ.

Nếu có người bị bệnh phải cách li với những người khỏe mạnh, không dùng chung đồ đạc với người bệnh.

CÂU HỎI

1. Đường tiêu hóa dễ mắc những loại bệnh nào?
2. Người bị bệnh có những biểu hiện gì đối với từng loại bệnh?
3. Phòng, chống các bệnh này như thế nào?

THỰC HÀNH

1. Uống nước đun sôi để nguội.
2. Các thức ăn còn thừa phải cất kín.

Bài 12

THỰC HÀNH

Vệ sinh các giác quan (mắt, mũi, tai, răng, miệng, lưỡi, da) và vệ sinh ăn uống

CHƯƠNG II

ĐỊA LÍ (1)

A – ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

Bài 13

Tên xã, huyện, tỉnh

Bài 14

Dân cư, dân tộc trong xã, huyện, tỉnh

Bài 15

Các ngành sản xuất chính

B – THỰC HÀNH

Bài 16

Tìm hiểu hình dạng mặt đất chính ở địa phương

Bài 17

Tìm hiểu một số loài vật nuôi, cây trồng chính ở địa phương

Bài 18

Tìm hiểu sông, suối, thác, hồ ở địa phương

C – TÌM HIỂU TỰ NHIÊN – ĐẤT NƯỚC

Bài 19

TRÁI ĐẤT – NGÀY VÀ ĐÊM

1. Trái Đất

Trái Đất chúng ta ở có hình cầu. Chúng ta hãy lấy trái bưởi để hình dung Trái Đất:

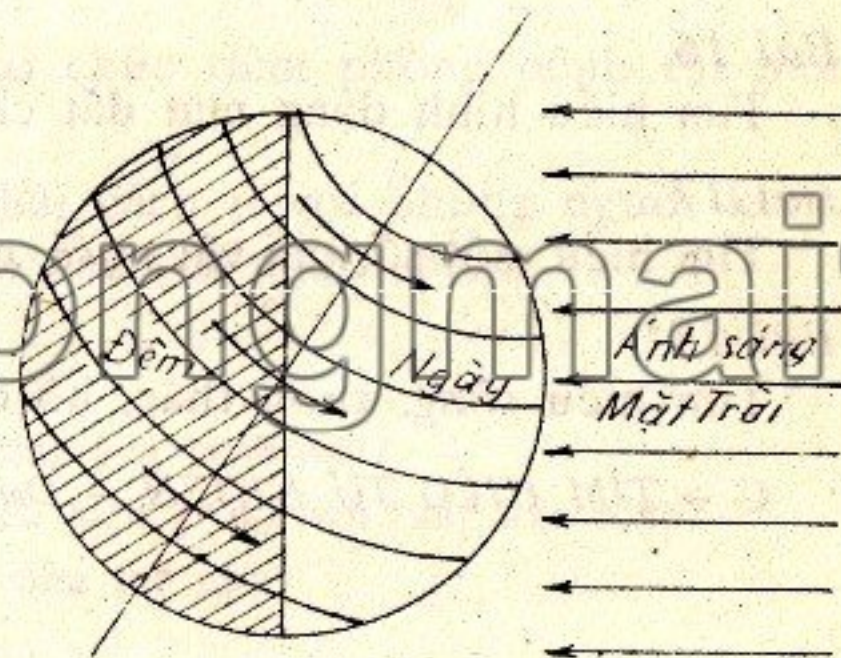
(1) Từ bài 13 đến bài 18, giáo viên ở cơ sở tự biên soạn nội dung từng bài cho phù hợp với địa phương mình.

Núm cuống trên của trái bưởi là *cực bắc* còn núm dưới là *cực nam*. Ta tưởng tượng lấy chiếc đĩa xuyên từ núm trên xuống núm dưới của trái bưởi thì chiếc đĩa tưởng tượng này giống như trục của Trái Đất. Vẽ một vòng tròn quanh trái bưởi, cách đều hai núm thì vòng tròn này giống như *đường xích đạo* của Trái Đất. Đường xích đạo chia Trái Đất thành hai nửa đều nhau gọi là *bắc bán cầu* và *nam bán cầu*.

2. Ngày và đêm

Trái Đất quay xung quanh trục của nó giống như trái bưởi quay xung quanh chiếc đĩa khi ta giữ chặt chiếc đĩa. Nếu ta đặt một ngọn đèn trước trái bưởi rồi cho trái bưởi quay xung quanh chiếc đĩa, ta nhận thấy có một nửa trái bưởi được chiếu sáng còn nửa kia ở phía tối, nhưng trái bưởi luôn quay đều theo một hướng nên lần lượt mọi chỗ trên trái bưởi thay nhau ở phía sáng và ở phía tối. Trái Đất cũng quay giống như thế, Mặt Trời chiếu vào Trái Đất giống như ngọn đèn chiếu vào trái bưởi. Phần Trái Đất ở phía sáng là ngày, phần Trái Đất ở phía tối là đêm.

Trái Đất quay quanh trục của nó được một vòng hết một ngày và một đêm. Một ngày và một đêm dài 24 giờ.



Hình 7 – Ngày và đêm

CÂU HỎI

1. Trái Đất hình gì?
2. Hãy chỉ các cực bắc, nam, trục và đường xích đạo của Trái Đất trên mô hình Trái Đất.
3. Em hãy giải thích vì sao có ngày và đêm?

Bài 20

TRÁI ĐẤT QUAY XUNG QUANH MẶT TRỜI CÁC MÙA

1. Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời

Chúng ta đã biết rằng Trái Đất quay xung quanh trục của nó. Trong thực tế trục của Trái Đất cũng chuyển động theo một đường tròn mà Mặt Trời ở tâm đường tròn, tức là: Trái Đất vừa quay xung quanh trục của nó, lại vừa quay xung quanh Mặt Trời. Một vòng quay kéo dài 365 ngày hay một năm.

2. Các mùa

Trên đường quay xung quanh Mặt Trời, có chỗ trên Trái Đất được chiếu sáng lâu hơn, nóng hơn, ngày dài hơn đêm, đó là mùa hạ. Ngược lại, có chỗ khác trên Trái Đất được chiếu sáng ít hơn, lạnh hơn, ngày ngắn hơn đêm, đó là mùa đông. Lại có những chỗ được chiếu sáng vừa phải, không nóng, không lạnh, ngày đêm dài bằng nhau, đó là mùa xuân và mùa thu. Mùa xuân ở giữa mùa đông và mùa hạ. Mùa thu ở giữa mùa hạ và mùa đông. Các mùa xuân – hạ – thu – đông cứ lần lượt tiếp theo nhau ở hầu khắp mọi nơi trên Trái Đất.

CÂU HỎI

1. Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời một vòng kéo dài bao nhiêu ngày?
2. Vì sao lại có các mùa xuân, hạ, thu, đông?

Bài 21

NĂM LỊCH – MẶT TRỜI, NGUỒN CUNG CẤP NHIỆT VÀ ÁNH SÁNG CHO TRÁI ĐẤT

1. Năm lịch

Dựa vào việc Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời một vòng hết 365 ngày, người ta quy định đó là một năm dương lịch.

Một năm dương lịch được chia thành 12 tháng, số ngày trong mỗi tháng không như nhau, cụ thể là:

Tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12 mỗi tháng có 31 ngày.

Tháng 4, 6, 9, 11 mỗi tháng có 30 ngày.

Tháng 2 chỉ có 28 hoặc 29 ngày tùy từng năm.

Ngoài dương lịch, nước ta còn dùng âm lịch.

2. Mặt Trời, nguồn cung cấp nhiệt và ánh sáng cho Trái Đất

Đêm mùa đông chúng ta cảm thấy vô cùng lạnh, nhưng vào buổi sáng, khi có ánh sáng mặt trời, chúng ta cảm thấy ấm áp hơn, đó là vì ban ngày chúng ta nhận được nhiệt của mặt trời nhiều hơn. Như vậy, *Mặt Trời là nguồn cung cấp nhiệt cho Trái Đất.*

Chúng ta cũng biết rằng phần nào trên Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng là ngày, phần nào không được Mặt Trời chiếu sáng là đêm. Như vậy, *Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng cho Trái Đất.*

Có thể nói rằng mọi hoạt động trên Trái Đất đều liên quan đến Mặt Trời.

CÂU HỎI

1. Một năm có bao nhiêu tháng?
2. Em hãy kể tên những tháng có 31 ngày, những tháng có 30 ngày (theo dương lịch).

Bài 22

BẢN ĐỒ

1. Bản đồ

Bề mặt Trái Đất rất rộng, có chỗ là đất, có chỗ là nước rộng mênh mông ... Muốn chỉ ra chỗ nào là đất, chỗ nào là nước...

người ta vẽ hình dạng bề mặt của một phần Trái Đất lên một tờ giấy, khi đó ta có một bản đồ.

Trên bản đồ ta thấy có các đường kẻ dọc từ trên xuống dưới, đó là các *kinh tuyến*.

Ngoài ra ta còn thấy có các đường kẻ ngang từ trái sang phải, đó là các *vĩ tuyến*. Nhờ có các kinh tuyến và vĩ tuyến mà ta có thể tìm được các vị trí cần thiết trên bản đồ.

2. Màu sắc trên bản đồ

Bản đồ thường được tô các màu khác nhau để thể hiện bề mặt Trái Đất.

Thí dụ: núi, cao nguyên thường được thể hiện bằng màu nâu; hồ, biển được thể hiện bằng màu xanh lơ, các miền đất bằng được thể hiện bằng màu xanh lá cây.

Tùy mục đích sử dụng mà người ta làm nhiều loại bản đồ khác nhau như: bản đồ tự nhiên, bản đồ chính trị, bản đồ quân sự, bản đồ hành chính.

CÂU HỎI

Em hãy nêu tên loại của bản đồ.

THỰC HÀNH

Em hãy chỉ trên bản đồ tự nhiên Việt Nam các vùng đồi, núi, cao nguyên của nước ta dựa vào màu sắc thể hiện trên bản đồ.

Bài 23

PHƯƠNG HƯỚNG

1. Phương hướng

Buổi sáng, khi Mặt Trời mọc ta nhận thấy ánh sáng mặt trời chiếu theo một phía.

Buổi chiều, khi Mặt Trời lặn ta nhận thấy ánh sáng mặt trời chiếu theo phía ngược lại với buổi sáng.

Phía Mặt Trời mọc gọi là phía đông hay *phương đông*.

Phía Mặt Trời lặn gọi là phía tây hay *phương tây*.

2. Cách tìm phương hướng

Nếu ta đứng giơ tay phải về phương đông, giơ tay trái về phương tây thì trước mặt ta là *phương bắc* và sau lưng ta là *phương nam*.

Nhờ có phương hướng và biết cách tìm phương hướng mà người ta không sợ bị lạc giữa rừng sâu hay giữa biển khơi...

Để xác định phương hướng một cách dễ dàng và thuận tiện, người ta có một dụng cụ gọi là *địa bàn*.

CÂU HỎI

1. Mặt Trời mọc ở phương nào? Mặt Trời lặn ở phương nào?
2. Biết phương hướng có lợi gì?

THỰC HÀNH

Tập xác định phương hướng trên sân trường, ở gia đình.

Bài 24

ĐỒI, NÚI, CAO NGUYÊN, NHỮNG NÚI VÀ CAO NGUYÊN LỚN Ở NƯỚC TA

1. Đồi, núi, cao nguyên

Trên mặt đất có nhiều chỗ cao, thấp khác nhau. Những chỗ nổi cao có hình dáng như cái bát úp gọi là *đồi*. Những chỗ nổi cao hơn đồi, có đỉnh thường nhọn, sườn dốc gọi là *núi*. Có nhiều chỗ đất nổi cao lên nhưng mặt trên lại tương đối bằng phẳng và rộng lớn gọi là *cao nguyên*.

2. Những núi và cao nguyên lớn ở nước ta

Ở nước ta có nhiều núi cao. Có nơi nhiều núi đứng liền nhau tạo thành một dãy núi như: dãy Trường Sơn, dãy Hoàng Liên Sơn. Đỉnh núi cao nhất nước ta là đỉnh núi Phan-Xi-Păng nằm trên dãy Hoàng Liên Sơn.

Cao nguyên ở nước ta cũng có nhiều, ở miền Bắc có cao nguyên Mộc Châu, Đồng Văn; ở miền Nam có cao nguyên Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.

Ngày nay, trên các cao nguyên này đồng bào các dân tộc đang ra sức tăng gia sản xuất, làm giàu cho đất nước.

CÂU HỎI

1. Thế nào là đồi, núi, cao nguyên?
2. Em kể xem xã, bản em có đồi, núi hay nằm trên cao nguyên nào?

Bài 25

ĐỒNG BẰNG - ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

1. Đồng bằng

Trên bề mặt Trái Đất có nhiều chỗ bằng phẳng, rộng lớn đó là *đồng bằng*. Ở nước ta có nhiều đồng bằng nhưng rộng lớn nhất là *đồng bằng Bắc Bộ* và *đồng bằng Nam Bộ*.

2. Đồng bằng Bắc Bộ

Đồng bằng Bắc Bộ được tạo nên nhờ sông Hồng. Từ xưa đến nay nhân dân ta đã trồng trọt, chăm bón trên mảnh đất này và biến nó thành nơi trồng lúa quan trọng. Ngày nay nhân dân ta vẫn tiếp tục đổ công sức lấn dần đất ra biển làm cho đồng bằng Bắc Bộ rộng thêm.

3. Đồng bằng Nam Bộ

Đồng bằng Nam Bộ được tạo nên nhờ sông Mê-Công. Đồng bằng Nam Bộ rộng hơn đồng bằng Bắc Bộ và cũng đang được mở rộng thêm ra phía biển. Hiện nay đồng bằng Nam Bộ là nơi sản xuất nhiều lúa nhất trên đất nước ta.

CÂU HỎI

1. Thế nào là đồng bằng?
2. Nước ta có mấy đồng bằng lớn?
3. Ở những đồng bằng lớn của nước ta, cây gì được trồng nhiều nhất?

KHOÁNG SẢN CỦA NƯỚC TA

1. Khoáng sản là gì?

Trong lòng đất có rất nhiều chất quý giá đối với đời sống con người, rất cần thiết cho sản xuất, đó là các *khoáng sản*. Khoáng sản ở rải rác trong lòng đất nhưng cũng có nhiều chỗ chúng tập trung lại thành các mỏ.

2. Khoáng sản của nước ta

Ở nước ta có khá nhiều mỏ như:

Mỏ dầu khí ở ngoài biển; mỏ than ở Quảng Ninh, Bắc Thái; mỏ quặng sắt ở Bắc Thái...; mỏ thiếc ở Cao Bằng; mỏ crômít ở Thanh Hóa, mỏ thủy ngân ở Hà Tuyên, mỏ chì, bạc ở Bắc Thái... mỏ apatit ở Hoàng Liên Sơn; mỏ phốt phát ở Hà Bắc... Ngoài ra còn có đá vôi, đá cẩm thạch...

Nhìn chung đất nước ta có khá nhiều mỏ khoáng sản, hiện nay chúng ta đang khai thác để phục vụ cho các ngành công nghiệp, hóa chất, xây dựng, năng lượng... và để phục vụ cho đời sống nhân dân ta.

CÂU HỎI

1. Nước ta có những mỏ khoáng sản nào?
2. Ở địa phương em có mỏ khoáng sản nào không?

ĐẤT TRỒNG, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG Ở MIỀN NÚI

1. Đất trồng

Đất trồng là lớp đất trên cùng của bề mặt Trái Đất, có đủ các chất cần thiết cho cây trồng.

Từ xa xưa, đất chỉ là những tảng nham thạch bị phá hủy, cằn cỗi, khô cứng, sau đó nhờ tác động của các loài sinh vật, xác chết của các sinh vật, dần dần mới biến thành đất trồng, sau này nhờ có bàn tay con người chăm bón mà lớp đất trồng mới càng ngày càng trở nên tốt. Như vậy, đất trồng không phải tự nhiên mà tốt. Muốn đất tốt phải chăm bón cho đất, phải bảo vệ đất.

2. Sử dụng và bảo vệ đất trồng ở miền núi

Muốn đất trồng tốt phải thường xuyên bón phân cho đất. Ở miền núi mỗi khi mưa xuống, nước mưa thường cuốn trôi đi lớp đất tốt trên bề mặt (gọi là rửa trôi), do thế ta cần phải biết cách bảo vệ lớp đất này bằng cách trồng nhiều cây trên đồi để ngăn nước, đồng thời đánh các luống ngang chiều nước chảy ở các sườn dốc.

Thực tế hiện nay ở nhiều nơi đồng bào vẫn còn chặt cây rừng, đốt rẫy, làm nương, đây là cách sử dụng đất không hợp lí, không bảo vệ được đất trồng.

CÂU HỎI

1. Do đâu hình thành nên lớp đất trồng?
2. Phải làm gì để bảo vệ lớp đất trồng?

ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ ĐỘNG VẬT NUÔI – THỰC VẬT

1. Động vật hoang dã và động vật nuôi, thực vật

Trên bề mặt Trái Đất có rất nhiều con vật sinh sống, người ta gọi chúng là *động vật*.

Hầu hết các loại động vật sống tự nhiên, tự kiếm mồi như những con hươu, con nai, con chồn, con cáo... trong rừng, con chim trên trời, con cá trong nước... người ta gọi chúng là *động vật hoang dã*.

Có một số loại động vật được con người đưa về nuôi để phục vụ cho đời sống như: lợn, gà, trâu, bò, voi, ngựa... người ta gọi chúng là *động vật nuôi*.

Trên bề mặt Trái Đất cũng có rất nhiều cây, cỏ mọc ở khắp nơi như: các cây trên mặt đất, rong tảo trong nước, người ta gọi chúng là *thực vật*.

2. Nước ta có giới động vật và thực vật phong phú

Ở đất nước ta nắng lắm, mưa nhiều, đất đai màu mỡ nên cây cối bốn mùa tươi tốt, có nhiều loại cây mọc ở khắp nơi. Chúng ta nói rằng: *Nước ta có giới thực vật phong phú*.

Nhờ cây cỏ tốt tươi mọc thành rừng nên các loại động vật có nhiều thức ăn, có chỗ trú ẩn nên chúng sinh sôi, nảy nở nhanh, có nhiều loài sinh sống. Chúng ta nói rằng: *Nước ta có giới động vật phong phú*.

Giới thực vật và động vật ở nước ta là những tài nguyên vô cùng quý giá của nhân dân ta. Chúng ta phải biết bảo vệ, không được chặt cây, phá rừng, không được săn bắn bừa bãi.

CÂU HỎI

1. Thế nào là động vật nuôi? Thế nào là động vật hoang dã?
2. Em biết có những loại vật nuôi nào ở bản (hương, xã) của em?
3. Muốn bảo vệ giới động vật và thực vật nước ta, em phải làm gì?

ÍCH LỢI CỦA RỪNG BẢO VỆ RỪNG VÀ CHIM, THÚ

1. Ích lợi của rừng

Rừng vô cùng cần thiết đối với đời sống con người. Rừng cho ta:

- Gỗ để làm nhà ở, đóng giường, tủ, bàn, ghế...
- Các loại cây dùng làm thuốc chữa bệnh, thuốc bổ: quế, thảo quả, sa nhân...
- Các loại nhựa cây dùng cho các ngành công nghiệp: nhựa thông, trám, sơn, cao su...
- Các loại dầu dùng cho các ngành công nghiệp và hóa chất: dầu trẩu, sò.
- Các loại thức ăn cho con người: mộc nhĩ, nấm hương, măng...
- Các loại củ, quả dùng trong đời sống hằng ngày của con người như: củ nâu, chàm để nhuộm vải...

Ngoài ra rừng còn ngăn gió, nước, rừng bảo vệ mùa màng, nhà cửa ít bị thiệt hại khi có gió, bão; rừng giữ nước cho sông, hồ không bị cạn để con người có nước dùng.

Rừng còn là nơi sinh sống của nhiều loại động vật rất cần cho đời sống con người.

Rừng có rất nhiều lợi ích với đời sống con người vì thế ta phải biết bảo vệ rừng.

2. Bảo vệ rừng và chim, thú

Chúng ta biết rừng là nơi sinh sống của nhiều loại chim, thú, rừng cung cấp thức ăn, chỗ ở cho chúng; ngược lại, chim thú cũng góp phần làm cho rừng tốt tươi, chúng bắt sâu bọ cho cây, phân của chúng làm cho đất tốt, cây rừng phát triển mạnh. Do đó bảo vệ rừng cũng có nghĩa là bảo vệ chim, thú.

Muốn bảo vệ rừng và chim, thú một cách tích cực, một mặt chúng ta phải biết chặt cây, săn bắt chim, thú (tức là khai thác) một cách hợp lý như: chỉ chặt những cây lớn mà rừng có nhiều, chỉ săn bắt những con chim, thú lớn mà rừng có nhiều theo những quy định của nhà nước. Không chặt những cây bé hoặc những loại cây quý hiếm, không săn bắt những con chim, thú đang đẻ, những con chim, thú quá nhỏ hoặc những con chim, thú quý hiếm.

Mặt khác, để bảo vệ rừng, chúng ta phải biết trồng cây, gây rừng, làm cho rừng ngày càng phát triển. Đặc biệt không được phá rừng, đốt nương, làm rẫy.

CÂU HỎI

1. Rừng có ích như thế nào đối với con người?
2. Làm thế nào để bảo vệ rừng và chim, thú?
3. Ở địa phương em đồng bào còn phá rừng, đốt nương, làm rẫy không?

Bài 31

KHÔNG KHÍ

1. Không khí

Khắp mọi nơi trên Trái Đất đều có *không khí*. Không khí là chất *trong suốt, không có màu, không có mùi*, ta không nhìn thấy được bằng mắt thường nhưng ta biết có không khí vì gió chính là không khí đang chuyển động.

2. Không khí cần cho sự cháy và sự thở

Chúng ta thử nín thở (bằng cách bịt chặt mũi, miệng lại) một lát, chúng ta sẽ không thể chịu được bởi vì con người không thể sống được nếu thiếu không khí để thở, điều đó chứng tỏ: *không khí rất cần cho sự thở*.

Nếu ta thắp một ngọn đèn dầu rồi dùng một cốc thủy tinh to úp chup vào đèn, ta sẽ thấy ngọn lửa cháy bé dần rồi tắt vì trong cốc không còn không khí. Điều đó chứng tỏ: *không khí cần cho sự cháy*.

3. Giữ bầu không khí trong sạch

Chúng ta biết rằng sự sống của con người gắn liền với không khí, do đó muốn sống khỏe mạnh, con người phải biết giữ cho bầu không khí trong sạch. Muốn vậy phải tránh đốt các chất độc hại, các chất có nhiều khói, như cao su, cây sơn. Phải làm các hố ủ phân, hố rác, làm chuồng nuôi súc vật ở xa nhà.

Ngoài ra, muốn giữ bầu không khí trong sạch, xung quanh nhà phải trồng nhiều cây xanh vì cây xanh cũng góp phần làm không khí trong sạch.

CÂU HỎI

1. Không khí là chất như thế nào?
2. Làm thế nào để biết không khí cần cho sự cháy và sự thở?
3. Làm gì để giữ cho bầu không khí trong sạch?

Bài 32

SỰ TẠO THÀNH GIÓ - HƯỚNG GIÓ - GIÓ MÙA Ở NƯỚC TA

1. Sự tạo thành gió

Tên Trái Đất có vùng được Mặt Trời chiếu sáng nhiều, có vùng được chiếu sáng ít. Không khí ở vùng được chiếu sáng nhiều sẽ nóng hơn. Không khí nóng bốc lên cao, không khí lạnh ở chỗ khác chuyển đến chiếm chỗ. *Không khí chuyển động tạo thành gió*.

2. Hướng gió

Nếu ta đứng quay mặt về hướng bắc thì sau lưng ta là hướng nam, phía tay phải là hướng đông, phía tay trái là hướng tây. Khi gió thổi từ trước mặt ra sau lưng tức là gió thổi từ hướng bắc tới, ta gọi là *gió bắc*.

Khi gió thổi từ sau lưng về phía trước ta tức là gió thổi từ hướng nam tới, ta gọi là *gió nam*. Giống như thế, nếu gió thổi từ hướng đông đến ta gọi là *gió đông* và gió thổi từ

hướng tây đến ta gọi là *gió tây*. Có khi gió thổi chệch từ phía trước mặt và phía tay phải sang phía sau lưng và tay trái tức là hướng đông bắc, ta gọi là *gió đông bắc*.

Vào mùa hạ gió thường thổi từ hướng đông nam hoặc tây nam tới, ta gọi là *gió đông nam* hoặc *gió tây nam*.

3. Gió mùa

Có những hướng gió thường thổi vào một mùa nhất định, người ta gọi là *gió mùa*.

Thí dụ: phía bắc nước ta vào mùa lạnh hay có gió thổi theo hướng đông bắc ta gọi là *gió mùa đông bắc*.

CÂU HỎI

1. Khi nào thì có gió?
2. Em tập xác định hướng gió.
3. Tại sao người ta gọi: gió mùa? Ở nước ta vào mùa đông và mùa hạ thường có gió từ hướng nào thổi tới?

Bài 33

GIÓ ĐỊA PHƯƠNG – GIÓ LÀO, GIÓ NÚI VÀ GIÓ THUNG LŨNG

1. Gió địa phương

Có những luồng gió chỉ thổi từ địa phương này sang địa phương khác ta gọi đó là *gió địa phương*.

Thí dụ: gió Than Uyên (Yên Bái).

2. Gió Lào

Vào các tháng 5, 6, 7 ở miền Bắc nước ta thường có luồng gió thổi từ hướng tây đến, luồng gió này rất nóng và khô, chúng ta quen gọi là *gió Lào* (vì gió thổi từ Lào sang). Gió này chỉ đi qua vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ, nhất là qua các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

3. Gió núi và gió thung lũng

Ở các miền núi cao, ban ngày thường có các luồng gió thổi từ dưới thung lũng lên các sườn núi cao, người ta gọi đó là *gió thung lũng*; ban đêm thường có các luồng gió thổi từ các sườn núi cao xuống thung lũng, người ta gọi đó là *gió núi*. Gió Lào, gió núi và gió thung lũng cũng là gió địa phương.

CÂU HỎI

1. Thế nào là gió địa phương? Ở bản (*buôn, sóc*) em có luồng gió địa phương nào đi qua?
2. Thế nào là gió Lào? Gió Lào có thổi qua bản (*buôn, sóc*) em không?
3. Thế nào là gió núi, gió thung lũng?

Bài 34

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

1. Nhiệt độ không khí

Mặt trời chiếu các tia nắng xuống mặt đất làm cho lớp không khí trên mặt đất nóng lên. Khi không khí nóng lên ta nói rằng: *nhiệt độ không khí cao*. Khi lớp không khí nhận được ít tia nắng mặt trời, không khí lạnh đi, ta nói rằng: *nhiệt độ không khí thấp*. Ban ngày, nhiệt độ không khí bao giờ cũng cao hơn ban đêm.

2. Nhiệt độ không khí ở miền núi thường thấp hơn nhiệt độ không khí ở miền đồng bằng

Ở sát mặt đất không khí đặc hơn ở trên cao, càng lên cao không khí càng loãng. Do đó khi mặt trời chiếu các tia nắng xuống mặt đất, lớp không khí gần mặt đất nhận được nhiều nhiệt hơn nên nóng hơn, lớp không khí ở trên cao nhận được ít nhiệt hơn nên ít nóng hơn. Ta nói rằng: *càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm*.

Miền núi có độ cao lớn hơn miền đồng bằng nên nhiệt độ không khí ở miền núi thấp hơn nhiệt độ không khí ở miền đồng bằng, vì thế về mùa đông ở miền núi ta cảm thấy lạnh hơn ở miền đồng bằng, về mùa hạ ở miền núi ta cảm thấy mát hơn ở miền đồng bằng.

CÂU HỎI

1. Khi nào ta nói nhiệt độ không khí cao? Khi nào ta nói nhiệt độ không khí thấp?
2. Em hãy giải thích vì sao nhiệt độ không khí ở miền núi thường thấp hơn nhiệt độ không khí ở miền đồng bằng?

Bài 35

SƯƠNG MỐC, SƯƠNG MÙ, SƯƠNG MUỐI ẢNH HƯỞNG CỦA SƯƠNG ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

1. Sương móc, sương mù, sương muối

Trong không khí thường có hơi nước, ban đêm nhiệt độ không khí thấp hơn, hơi nước trong không khí tụ lại thành những giọt nước nhỏ li ti bám trên những ngọn cỏ, lá cây, trên mặt đất, đó là *sương móc*.

Khi nhiệt độ không khí không thấp lắm, hơi nước trong không khí tụ lại nhưng không thành giọt, chúng tạo thành một màn mờ mờ lơ lửng trên mặt đất, đó là *sương mù*.

Khi nhiệt độ không khí quá thấp, hơi nước trong không khí tụ lại thành các hạt băng nhỏ li ti nằm trên các ngọn cỏ, lá cây trên mặt đất, trông giống như những hạt muối, đó là *sương muối*.

Nói chung chúng ta thường thấy các loại sương này vào các buổi sáng sớm khi trời lạnh. Riêng sương muối chỉ có vào những đêm đông rét buốt.

2. Ảnh hưởng của sương muối đối với cây trồng

Chỉ những đêm trời rất lạnh mới có sương muối. Sương muối bám vào cây cối làm cây bị lạnh, chậm phát triển, có

thể làm cho cây bị chết nhất là cây non mới trồng, mùa màng bị thiệt hại nếu không biết cách phòng chống sương muối.

Để phòng chống sương muối, người ta thường phải che cho cây non, nếu sương muối quá nhiều, người ta phải đốt lửa gần cây cho tan sương.

CÂU HỎI

1. Thế nào là sương móc, sương mù, sương muối?
2. Sương muối có ảnh hưởng gì đối với cây trồng?
3. Bản (buôn, sóc) em có hay bị sương muối không?

Bài 36

MÂY – MƯA – MƯA ĐÁ

1. Mây

Mặt trời chiếu các tia nắng xuống mặt đất làm nước ở ao, hồ, suối, sông bốc lên tạo thành những đám mây trên cao. *Vây mây là hơi nước tích tụ lại.*

2. Mưa

Hơi nước tích tụ càng nhiều thì đám mây càng lớn càng nặng, càng gần mặt đất. Khi đám mây gặp lạnh, hơi nước tích tụ thành những giọt nước lớn, nặng và rơi xuống đất, tạo thành mưa. Ở nước ta, thường mưa nhiều vào mùa hạ nên người ta còn gọi mùa hạ là mùa mưa.

3. Mưa đá

Khi đám mây gặp luồng không khí quá lạnh, hơi nước tụ lại thành giọt và các giọt nước lại đông kết ngay thành các cục nước đá rắn chắc rồi rơi xuống đất, tạo thành *mưa đá*.

Mưa đá ảnh hưởng xấu tới mùa màng, cây cối, nhà cửa, có khi gây thương vong cho người và vật nuôi. Hiện nay ta chưa có điều kiện khắc phục hiện tượng mưa đá.

CÂU HỎI

1. Mây, mưa được hình thành như thế nào?
2. Tại sao lại có mưa đá? Tác hại của mưa đá?

CHỚP, SÉT, SẤM – CỘT THU LÔI

1. Chớp, sét, sấm

Những chiều mùa hạ oi bức, thường có những trận mưa lớn. Trong những cơn mưa đó chúng ta thường thấy có hiện tượng:

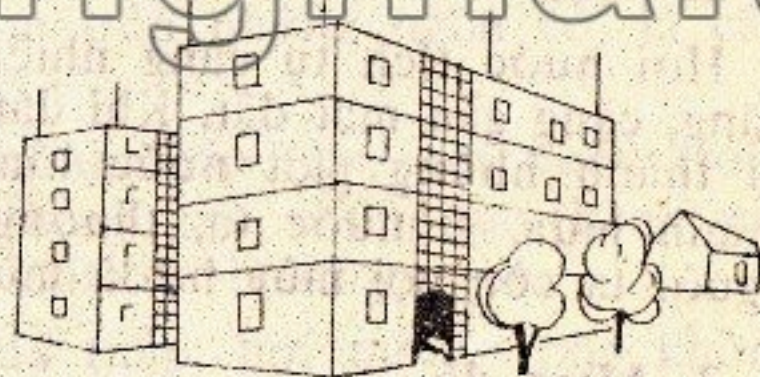
Trời đang âm u, chợt bừng sáng rồi lại âm u như trước. Người ta gọi đó là *chớp*. Hoặc có khi trên trời đột nhiên xuất hiện những tia sáng chói có hình dáng giống những cành cây khằng khiu. Người ta gọi đó là *sét*. Sau chớp hoặc sét ta nghe thấy những tiếng nổ rền vang. Người ta gọi đó là *sấm*.

Có hiện tượng chớp, sét, sấm là vì trong những đám mây mưa có điện. Các đám mây gần nhau phóng điện sang nhau, hoặc điện từ đám mây được phóng xuống mặt đất. Sự phóng điện này kèm theo hiện tượng phát sáng và có tiếng nổ.

2. Cột thu lôi

Điện từ đám mây phóng xuống mặt đất thường phóng thẳng vào các cây cao, các nóc nhà cao (ta nói nhà, cây bị sét đánh) gây đổ cây, đổ nhà, có khi chết người và vật nuôi.

Muốn giảm tác hại do sét gây ra, ở các nhà cao người ta dựng một cột bằng sắt trên nóc nhà, rồi dùng dây sắt nối từ cột xuống đất. Hệ thống này người ta gọi là *cột thu lôi*. Khi có sét, sét sẽ đánh vào cột thu lôi rồi truyền xuống đất nên không gây thiệt hại.



Hình 8 – Cột thu lôi trên nóc nhà để chống sét

CÂU HỎI

1. Sấm, chớp, sét là gì? Khi nào mới có?
2. Sét thường hay đánh vào đâu? Tại sao người ta không được trú mưa dưới gốc cây cao?
3. Cột thu lôi dùng để làm gì?

KHÍ HẬU, THỜI TIẾT, DỰ BÁO THỜI TIẾT

1. Khí hậu – Thời tiết

Ở nước ta, trong một năm, có nhiều ngày nắng, nóng, mưa nhiều, gió nhiều, có ít ngày trời lạnh nhưng cũng không quá lạnh bởi vì nước ta nằm ở vùng *khí hậu nhiệt đới gió mùa*. Trên Trái Đất, có những nước nằm ở vùng *khí hậu ôn đới* thì những ngày nóng cũng không nóng quá và những ngày lạnh cũng không lạnh quá; có những nước nằm ở vùng *khí hậu hàn đới* thì rất ít ngày nóng, nhiều ngày rất lạnh. Khi ta nói đến mưa, gió, nắng, nóng, lạnh hàng năm ở một nơi nào đó tức là ta nói đến *khí hậu* của nơi đó.

Trong một năm, ở một nơi có ngày trời mát mẻ, không mưa có gió thổi nhẹ, ta nói ngày đó *thời tiết tốt*. Có ngày trời quá nóng hoặc quá rét lại mưa, gió, ta nói ngày đó *thời tiết xấu*. Như vậy, nói đến mưa, gió, nắng, nóng, lạnh trong ngày tức là ta nói đến *thời tiết* của ngày đó.

2. Dự báo thời tiết

Trong cuộc sống hàng ngày, ai cũng cần biết trước trời sẽ nóng hay lạnh, có mưa, gió hay không, nghĩa là biết trước thời tiết để chuẩn bị cho việc đi học, đi làm, đi chơi... ngày hôm sau. Vì thế nên người ta lập ra các cơ quan làm nhiệm vụ nghiên cứu và thông báo cho nhân dân biết trước thời tiết của từng vùng trong những ngày sắp tới, tức là: *dự báo thời tiết*.

Ở nước ta, dự báo thời tiết thường được đọc trên đài phát thanh vào các buổi tối và các buổi sáng sớm.

CÂU HỎI

1. Nước ta ở vùng khí hậu nào?
2. Nói đến khí hậu, đến thời tiết tức là nói đến những gì?
3. Em hãy kể ích lợi của việc dự báo thời tiết.

THỰC HÀNH

Nghe dự báo thời tiết hàng ngày.

NƯỚC TRONG THIÊN NHIÊN BA TRẠNG THÁI CỦA NƯỚC

1. Nước trong thiên nhiên

Trên bề mặt Trái Đất, nước chiếm một diện tích rất lớn. Ta tưởng tượng nếu chia bề mặt Trái Đất thành bốn phần đều nhau thì đất chỉ chiếm hơn một phần, còn lại gần ba phần là nước. Nước có ở khắp nơi như biển, hồ, sông, suối, trong lòng đất và cả ở các đám mây.

3. Ba trạng thái của nước

Nước chúng ta sử dụng hàng ngày ở các ao, hồ, sông, suối đây là nước ở *trạng thái lỏng*. Hàng năm thỉnh thoảng ta gặp những trận mưa đá, trong khi mưa có những cục rất lạnh, trong suốt bằng đầu ngón chân rơi xuống. Những cục đó chính là nước ở *trạng thái rắn*, ta thường gọi là nước đá. Khi ta đun nước, ta nhận thấy nếu nước đã sôi mà ta vẫn đun thì từ trong ấm nước có một luồng trông như khói trắng phun ra, đây là nước ở *trạng thái hơi*, ta thường gọi là hơi nước.

Ba trạng thái này có thể thay đổi cho nhau. Nước từ trạng thái rắn có thể biến thành lỏng, thành hơi, nếu làm chúng nóng lên và ngược lại, từ trạng thái hơi có thể biến thành lỏng, thành rắn nếu làm chúng lạnh đi.

CÂU HỎI

1. Nước có ở những chỗ nào trên Trái Đất?
2. Nước có mấy trạng thái? Đó là những trạng thái nào?
3. Làm thế nào để thay đổi trạng thái của nước?

NƯỚC NGẦM, NƯỚC NGUỒN, NƯỚC SUỐI VỆ SINH NGUỒN NƯỚC

1. Nước ngầm, nước nguồn, nước suối

Khi ta đào sâu xuống đất, ta thấy có nước thấm ra. Đây là *nước ngầm*. Ta đào giếng chính là để lấy nước này. Nước ngầm phần lớn là do nước mưa thấm xuống.

Ở miền núi, nhiều nơi ta thấy có nước từ trong lòng đất hay các khe núi chảy ra khá mạnh, có nơi nước nóng chảy ra tạo thành những suối nước nóng. Đây là *nước nguồn*. Nước nguồn thường chảy ra từ những lớp rất sâu trong lòng đất. Khi nước nguồn chảy ra liên tục, nước chảy mãi thành dòng rồi gặp các dòng nước nguồn khác dần dần tạo thành *suối*, nước từ các suối đổ ra sông và nước từ sông đổ ra biển.

2. Vệ sinh nguồn nước

Ở miền núi, ở các vùng xa xôi hẻo lánh, chúng ta hoàn toàn dùng nước ở các giếng, ở các khe núi hay ở suối. Muốn có nước sạch ta phải biết cách giữ vệ sinh nguồn nước bằng cách: không làm hố phân, hố rác, không làm chuồng nuôi súc vật, không chôn xác súc vật gần nguồn nước. Mặt khác phải phát quang, dọn sạch bụi rậm, cây cỏ ở khu vực nguồn nước để tránh ruồi, muỗi và các con vật khác làm tổ gây bẩn nguồn nước, gây hại cho người ra lấy nước.

CÂU HỎI

1. Nước ngầm, nước nguồn từ đâu mà có?
2. Làm thế nào để giữ vệ sinh nguồn nước?
3. Ở bản (buôn, sóc) em dùng nước ở những nguồn nào?

NUỚC CẦN THIẾT CHO ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Người ta ai cũng phải cần đến nước. Nước dùng để uống, để nấu thức ăn, để tắm, giặt...

Nước còn dùng để tưới cây, chăn nuôi, dùng trong các nhà máy thủy điện, làm giấy, chế biến thực phẩm...

Con người cũng lợi dụng nước ở các suối, sông, biển để chuyên chở đồ đạc, vật liệu, hàng hóa bằng mảng, tàu, thuyền... Chở theo cách này rẻ hơn nhiều so với cách chở bằng ngựa, xe, tàu hỏa... Tuy vậy, chỉ ở những nơi có sông, suối, biển mới dùng được cách này.

Tóm lại, đời sống con người gắn liền với việc sử dụng nước, nếu không có nước con người không thể sống được.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu ích lợi của nước đối với con người.
2. Em hãy kể xem ở bản (hương, xóm) em người ta dùng nước vào những việc gì?

SÔNG - HỒ

1. Sông, hồ

Chúng ta đã biết ở miền núi có rất nhiều suối, trên đường chảy, các suối gặp nhau, hợp với nhau to dần tạo thành sông, nước ở sông chảy dần ra biển.

Ở nhiều nơi có vùng đất trũng sâu rất rộng, nước từ các nơi đổ vào, đọng lại đó, tạo thành hồ. Nước ở hồ không chảy

đi như nước sông. Hồ thường có ở nhiều nơi, miền núi, đồng bằng, cao nguyên đâu cũng có thể có. Nhiều hồ do con người tạo nên.

2. Sông, hồ ở nước ta

Nước ta có nhiều sông, ở miền Bắc có sông Hồng Hà là lớn nhất, ở miền Nam có sông Cửu Long là lớn nhất. Ngoài ra ở cả ba miền đều có các sông khác nhỏ hơn như: sông Nam Rốm, sông Cả, sông Mã, sông Chu, sông Trà Khúc...

Hồ ở nước ta cũng nhiều, có những hồ do thiên nhiên tạo nên như: hồ Ba Bể (ở Bắc Thái), hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm (ở Thủ đô Hà Nội), hồ Lặc (ở Đắc Lắc)...

Cũng có những hồ do nhân dân ta tạo nên như hồ Thác Bà (ở Yên Bái), hồ Kẻ Gỗ (ở Nghệ An)...

CÂU HỎI

1. Sông và hồ khác nhau như thế nào?
2. Nước ta có những sông nào lớn nhất?
3. Nơi em ở gần con sông nào nhất?
4. Em hãy kể tên những hồ mà em biết ở nước ta.

BIỂN

1. Biển với đời sống

Ta đã biết trên bề mặt Trái Đất, nước chiếm một diện tích rất lớn. Trên diện tích đó phần lớn là biển. Mùa hè trời nóng nực, gió từ biển thổi vào làm giảm độ nóng ở đất liền. Như vậy là biển điều hòa khí hậu cho đất liền, đem đến cho đất liền những trận mưa, cung cấp nước cho con người, động vật

và cây cối. Như vậy biển còn là một trong những nguồn cung cấp nước cho đất liền.

Ở biển có rất nhiều loài cá, tôm, cua, rong biển... Đó cũng là nguồn thức ăn cho con người trên Trái Đất. Như vậy biển là một trong những nơi cung cấp thực phẩm cho con người.

Nước biển khá mặn, ở vùng ven biển người ta làm muối ăn từ nước biển. Như vậy biển còn là một trong những nơi cung cấp muối cho con người.

Ngoài ra, ở đáy biển có nhiều loại mỏ quý hiếm như mỏ quặng kim loại, mỏ dầu khí...

Biển còn là đường giao thông vận tải quan trọng, rẽ tiền của con người. Chúng ta có thể nói biển có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống con người.

2. Biển nước ta

Nước ta ở bên bờ biển Đông. Bờ biển nước ta kéo dài từ bắc đến nam, do vậy chúng ta được hưởng rất nhiều nguồn lợi của biển. Muốn sử dụng tốt nguồn lợi mà biển đem lại, chúng ta phải có hiểu biết, phải học tập tốt. Hiện nay nhân dân ta cũng đã và đang sử dụng biển để phục vụ cho đời sống nhưng chưa được nhiều lắm.

CÂU HỎI

Em hãy nêu ích lợi của biển với đời sống.

Bài 44

VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

1. Vị trí của nước Việt Nam

Nước Việt Nam nằm ở Đông Nam châu Á, có hình dạng giống chữ S.



Hình 9 - Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

Phía bắc nước Việt Nam là Trung Quốc, phía tây nước Việt Nam là nước Lào và nước Cam-pu-chia. Phía đông và phía nam nước Việt Nam là biển. Nước ta có diện tích vào loại nhỏ so với một số nước trên thế giới như: Trung Quốc, Liên Xô, Mĩ... nhưng lại có diện tích lớn hơn so với một số nước như: Lào, Cam-pu-chia...

2. Các đảo và quần đảo của nước Việt Nam

Ngoài phần có hình chữ S ta gọi là *đất liền*, chúng ta còn có nhiều phần đất hay đá nhô lên ngoài biển ta gọi là *đảo* hay *quần đảo* như: đảo Trà Cổ, Phú Quốc, Hạ Long, Côn Đảo; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... Trên các đảo này nhân dân ta đang sinh sống dựa vào nguồn lợi của biển và các sản phẩm từ đất liền đưa ra.

CÂU HỎI

1. Nước ta nằm ở chỗ nào trên bản đồ thế giới?
2. Nước ta giáp với các nước nào?
3. Kể tên các đảo của nước ta mà em biết.

Bài 45

DÂN SỐ NƯỚC VIỆT NAM

1. Dân số nước Việt Nam

Diện tích nước Việt Nam nhỏ nhưng số dân lại lớn. Cả nước chúng ta có vào khoảng trên 64 triệu người.

2. Các dân tộc sống ở nước Việt Nam

Trong số hơn 64 triệu người sống trên khắp đất nước Việt Nam có 54 dân tộc, đông nhất là *dân tộc Kinh*, còn lại là các *dân tộc ít người*.

Ở miền Bắc có các dân tộc ít người như: H'Mông, Dao, Thái, Pa Dí, Tu Dí, Khơ Mú, Bố Y, Tày, Nùng...

Ở miền Nam có các dân tộc ít người như: Pa Cô, Vân Kiều, Cơ Ho, Ê Đê, Khơ Me, Chăm, Gia Rai, Ba Na...

Từ xa xưa cho đến nay, đồng bào các dân tộc chúng ta luôn đoàn kết, thương yêu nhau, cùng nhau sinh sống, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam. Chúng ta có biết bao tấm gương anh hùng của đồng bào các dân tộc ít người trong công cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc như: Kim Đồng, Vừ A Dính, Kơ pa kơ lơng, anh hùng Núp...

CÂU HỎI

1. Nước ta có bao nhiêu người, bao nhiêu dân tộc?
2. Em thuộc dân tộc nào? Em kể tên các dân tộc mà em biết.
3. Các dân tộc sống với nhau như thế nào trên đất nước Việt Nam?

Bài 46

LÀO - CAM-PU-CHIA

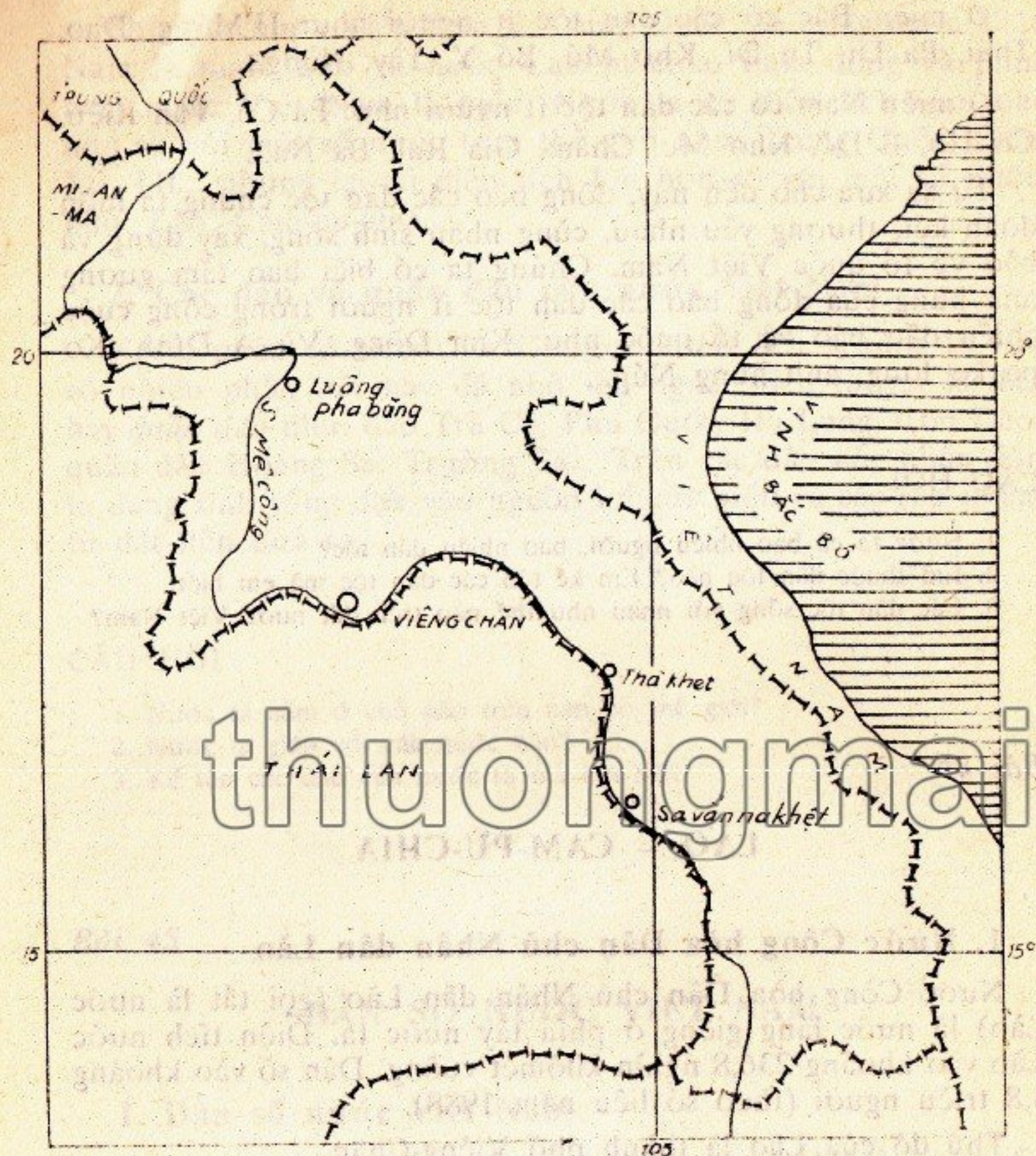
1. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (gọi tắt là nước Lào) là nước láng giềng ở phía tây nước ta. Diện tích nước Lào vào khoảng 236,8 nghìn kilômét vuông. Dân số vào khoảng 3,8 triệu người (theo số liệu năm 1988).

Thủ đô của Lào là thành phố Viêng-Chăn.

Lào hoàn toàn nằm trong đất liền, không có bờ biển, phần lớn là núi và cao nguyên, nhiều rừng và đồng cỏ, thuận lợi cho nghề chăn nuôi và trồng các cây công nghiệp.

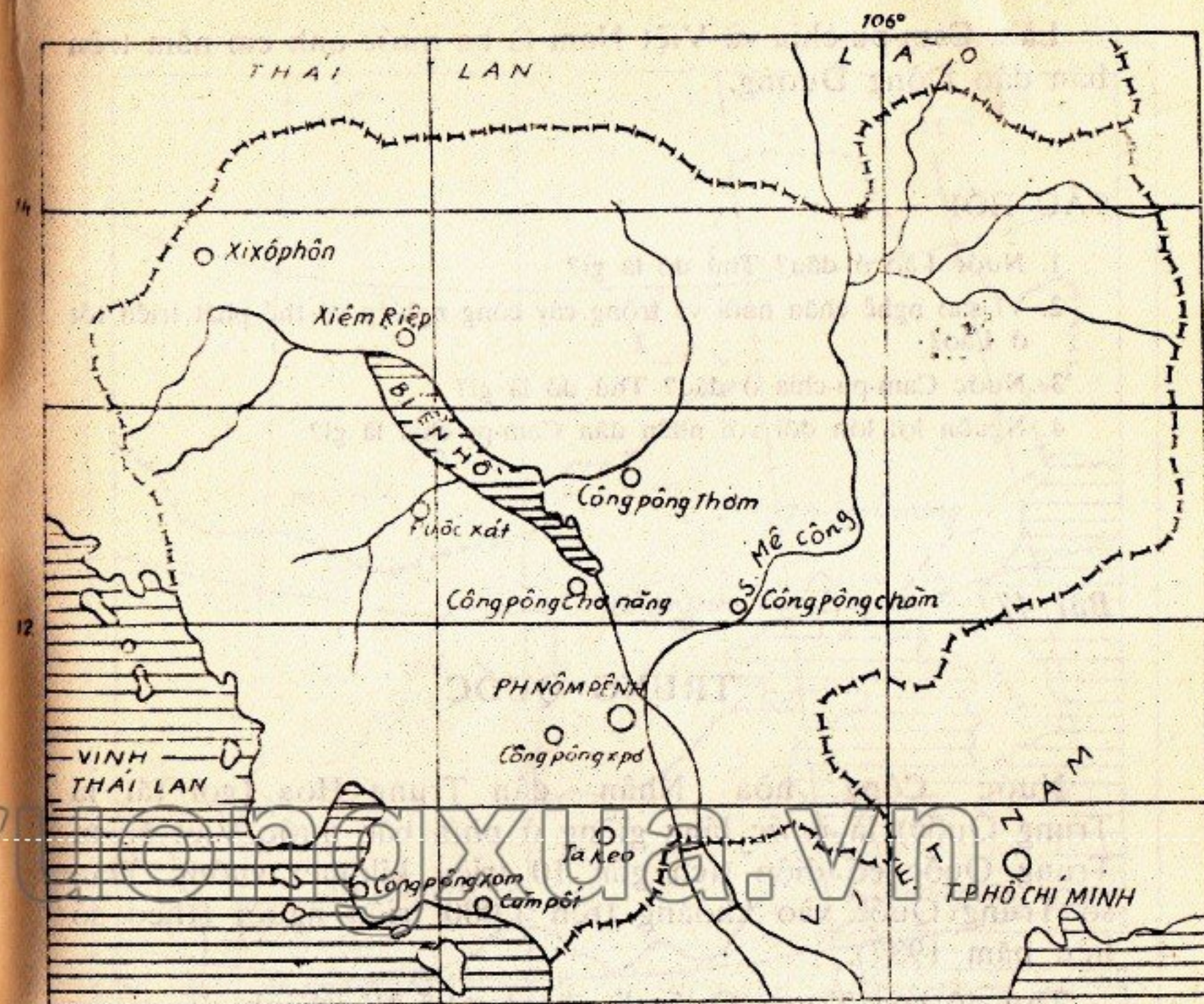
Dọc theo nước Lào có sông Mê-Công chảy qua, tạo nên các đồng bằng ven sông, tập trung đông dân cư và là nơi cấy trồng ngô, lúa... Sông Mê-Công còn là con đường giao thông thủy quan trọng.



Hình 10a — Lược đồ địa hình nước CHDCND Lào

2. Nước Cam-pu-chia

Nước Cam-pu-chia là nước láng giềng ở phía tây nam nước ta. Diện tích nước Cam-pu-chia vào khoảng 181 nghìn kilômét vuông.



Hình 10b — Lược đồ địa hình nước Cam-pu-chia

Dân số vào khoảng 7,5 triệu người (theo số liệu năm 1987). Thủ đô của Cam-pu-chia là thành phố Phnôm-Pênh.

Cam-pu-chia có nhiều đồng bằng rộng lớn, đất tốt, thuận lợi cho việc trồng cây nông nghiệp như lúa và các cây công nghiệp như cao su, bông, hồ tiêu...

Cam-pu-chia có một hồ nước rất rộng gọi là Biển Hồ, cá ở đây rất nhiều. Đó là một nguồn lợi lớn của nhân dân Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có sông Mê-Công chảy qua, có bờ biển tạo điều kiện tốt cho việc đi lại, vận chuyển.

Lào, Cam-pu-chia và Việt Nam là ba nước anh em nằm trên bán đảo Đông Dương.

CÂU HỎI

1. Nước Lào ở đâu? Thủ đô là gì?
2. Vì sao nghề chăn nuôi và trồng cây công nghiệp có thể phát triển tốt ở Lào?
3. Nước Cam-pu-chia ở đâu? Thủ đô là gì?
4. Nguồn lợi lớn đối với nhân dân Cam-pu-chia là gì?

Bài 47

TRUNG QUỐC

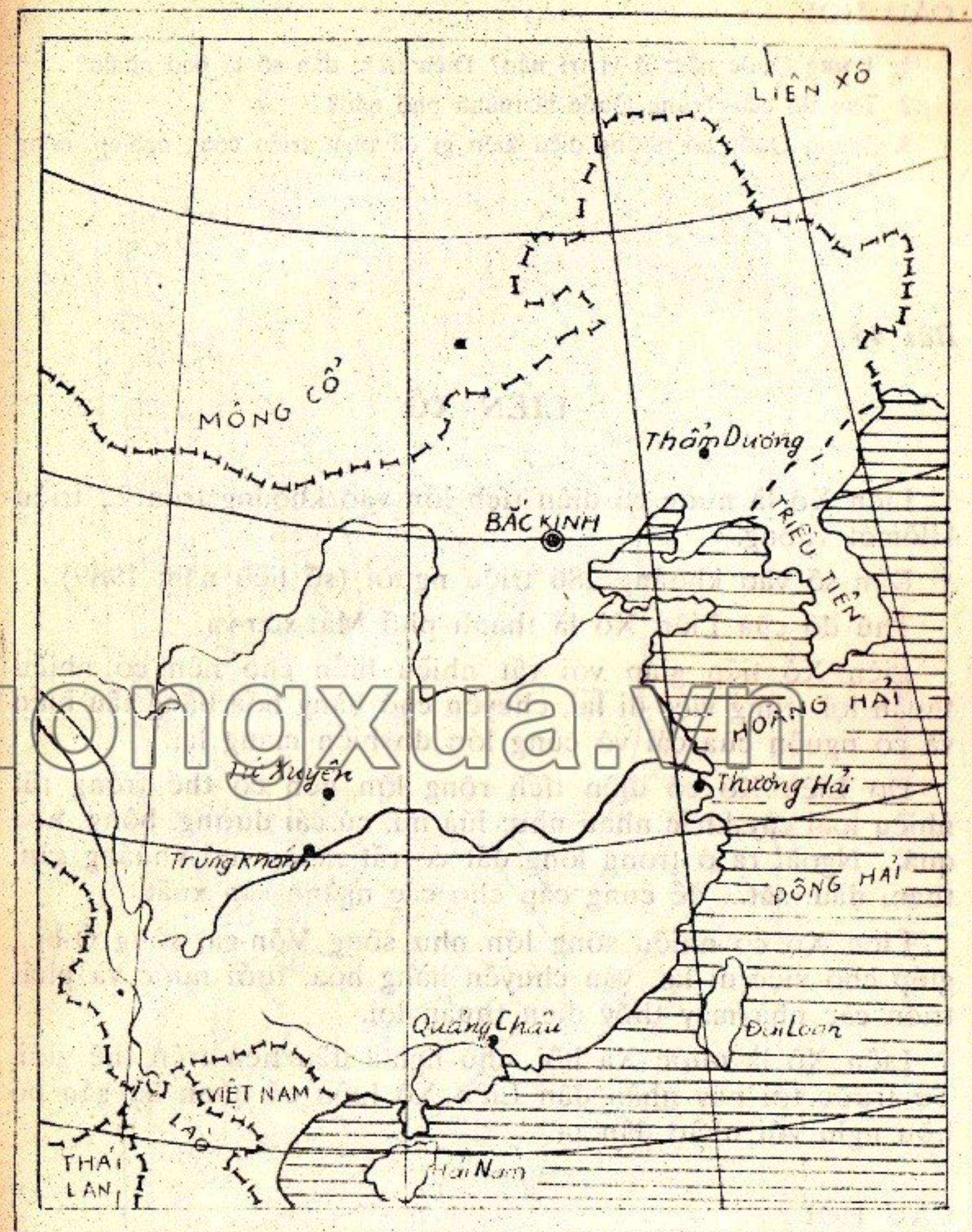
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (gọi tắt là Trung Quốc) là nước láng giềng ở phía bắc nước Việt Nam. Trung Quốc có diện tích gần 10 triệu kilômét vuông. Dân số Trung Quốc vào khoảng trên 1.000 triệu người (theo số liệu năm 1987).

Thủ đô của Trung Quốc là thành phố Bắc Kinh.

Ở phía tây Trung Quốc có nhiều núi và cao nguyên, rất thuận tiện cho nghề chăn nuôi cừu, dê, bò... phát triển.

Phần phía đông có nhiều đồng bằng đặc biệt là đồng bằng sông Hoàng Hà và sông Trường Giang, tạo thành các vùng đồng bằng rộng lớn để trồng lúa, mì, đậu tương, bông, chè...

Rải rác ở các vùng phía bắc và phía nam Trung Quốc có nhiều mỏ khoáng sản, than, sắt, đồng, chì, nhôm, dầu hỏa để cung cấp cho các ngành sản xuất công nghiệp. Trung Quốc có phần tiếp giáp với biển khá dài, có nhiều sông ngòi. Do đó việc đi lại, vận chuyển khá thuận lợi, đồng thời nghề đánh bắt cá tương đối phát triển.



Hình 11. — Bản đồ Trung Quốc

CÂU HỎI

1. Trung Quốc nằm ở vị trí nào? Diện tích, dân số là bao nhiêu?
2. Thủ đô của Trung Quốc là thành phố nào?
3. Trung Quốc có những điều kiện gì để phát triển công nghiệp, nông nghiệp?

Bài 48

LIÊN XÔ

Liên Xô là nước có diện tích lớn vào khoảng trên 22 triệu kilômét vuông.

Dân số vào khoảng 286 triệu người (số liệu năm 1989).

Thủ đô của Liên Xô là thành phố Mát-xcơ-va.

Liên Xô tiếp giáp với rất nhiều biển cho nên có nhiều thuận lợi trong việc đi lại, chuyên chở hàng hóa bằng tàu biển và có nguồn của cải vô cùng lớn do biển mang lại.

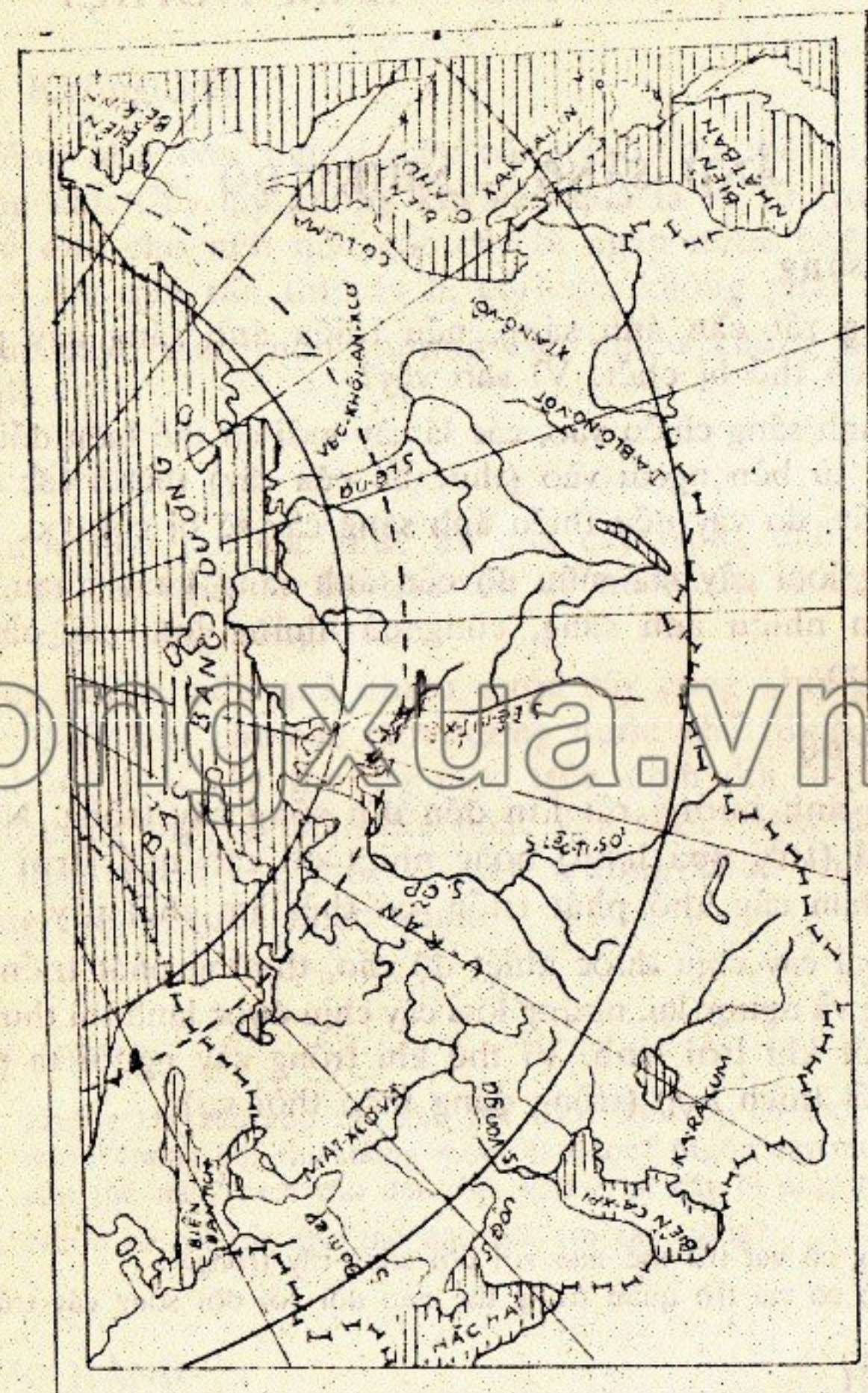
Do Liên Xô có diện tích rộng lớn nên có thể trồng rất nhiều loại cây khác nhau như: lúa mì, củ cải đường, bông, hoa quả... Ngoài ra ở trong lòng đất có rất nhiều mỏ khoáng sản: than, dầu, sắt... để cung cấp cho các ngành sản xuất.

Liên Xô có nhiều sông lớn như sông Vôn-ga, sông Ô-bi... giúp cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, tưới nước và phát triển các nhà máy thủy điện thuận lợi.

Liên Xô là nước Xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Từ trước tới nay nhân dân Liên Xô luôn có quan hệ gắn bó hữu nghị với nhân dân ta.

CÂU HỎI

1. Liên Xô có diện tích, dân số là bao nhiêu?
Thủ đô là thành phố nào?
2. Liên Xô có những điều kiện thuận lợi gì để phát triển nông nghiệp, công nghiệp?



Hình 12 — Bản đồ Liên Xô

KĨ THUẬT NÔNG - LÂM NGHIỆP

Bài 49

ÁNH SÁNG - NHIỆT ĐỘ

1. Ánh sáng

Cây trồng rất cần ánh sáng, nếu thiếu ánh sáng cây phát triển kém, có thể bị chết. Vì sao vậy?

Nhờ có ánh sáng chiếu vào, các lá cây mới có thể biến đổi các chất cây lấy từ bên ngoài vào (thức ăn của cây) thành các chất nuôi sống cây, do vậy nếu thiếu ánh sáng cây sẽ bị còi cọc.

Tùy từng loại cây mà mức độ cần ánh sáng khác nhau. Có loại cây cần nhiều ánh sáng, cũng có những loại cây cần ít ánh sáng hơn.

2. Nhiệt độ

Nhiệt độ ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cây trồng. Nhiệt độ thấp quá (trời quá lạnh) hoặc nhiệt độ cao quá (trời quá nóng) đều làm cây khó phát triển, có thể làm chết cây.

Những loại cây chịu được nhiệt độ cao, thường phát triển tốt khi trời nóng và ngược lại, những loại cây chịu được lạnh thì thường phát triển tốt khi trời lạnh. Vì thế khi trồng cây người ta phải chọn thời tiết thích hợp (trồng đúng theo thời vụ).

CÂU HỎI

1. Ánh sáng có vai trò thế nào với đời sống cây trồng?
2. Nhiệt độ có vai trò quan trọng thế nào đối với đời sống cây trồng?

THỰC HÀNH

1. Che kín một cây mới trồng không cho ánh sáng lọt vào, sau 2 tuần lễ nhận xét sự phát triển của cây này so với các cây không bị che ánh sáng.
2. Trồng một loại cây trái vụ rồi so sánh với cây đúng vụ.

Bài 50

KHÔNG KHÍ - NƯỚC

1. Không khí

Cũng như con người, cây cũng thở, do thế cây cũng cần không khí. Cây lấy không khí vào qua lá và từ trong đất qua bộ rễ đưa cho nên nếu gốc cây bị ngập nước hoặc cây trồng ở chỗ đất quá rắn thì cây bị còi cọc, không phát triển được.

Các cây còn non thường cần nhiều không khí hơn cây đã già.

2. Nước

Nước hòa tan các thức ăn của cây trong đất. Rễ cây hút nước và các thức ăn đã hòa tan để nuôi cây, vì thế không có nước cây không sống được.

Tuy nhiên, nếu quá nhiều nước cây cũng không phát triển được. Mỗi loại cây cần một lượng nước nhất định, vì thế nên có những loại cây thường mọc trên đỉnh đồi, có những loại cây thường mọc ở chân đồi hoặc ven suối. Ngay đối với cùng một loại cây ở các thời kì sinh trưởng khác nhau cũng cần những lượng nước khác nhau.

CÂU HỎI

1. Không khí cần cho cây như thế nào? Em hãy lấy một vài ví dụ cây thiếu không khí thì không mọc tốt được? Muốn cây mọc tốt thì phải làm thế nào? (xới cho đất xốp, không để cây bị úng, ngập nước).
2. Nước có vai trò như thế nào đối với cây trồng?

THỰC HÀNH

Gieo một vài hạt giống ở chỗ đất tơi, xốp, ẩm và một vài hạt giống (cùng loại) ở chỗ đất cứng, thiếu nước, theo dõi rồi nhận xét xem ở mỗi nơi hạt mọc mầm ra sao?

DẤT - PHÂN BÓN

1. Đất

Rễ cây bám chặt vào đất làm cho cây đứng vững được, nhờ đất mà nước được giữ lại để thức ăn của cây hòa tan đưa lên nuôi sống cây, nói cách khác, đất là nơi cung cấp thức ăn cho cây. Vì vậy nếu không có đất, cây không thể sống được.

Đất được gọi là tốt khi tơi, xốp, giữ được độ ẩm và cung cấp được đủ thức ăn cho cây. Khi đất không làm được những nhiệm vụ này ta gọi là đất xấu, đất cằn. Muốn làm cho đất tốt phải cày, bừa, bón phân cho đất.

2. Phân bón

Phân là thức ăn của cây. Thường trong đất tự nhiên không đủ thức ăn cho cây nên người ta phải cung cấp thêm phân cho đất gọi là bón phân.

Có hai loại phân bón là: phân hữu cơ và phân vô cơ. Phân hữu cơ là các loại lá, cây mục nát, phân người, phân súc vật.

Phân vô cơ là các loại phân do con người làm ra trong các nhà máy. Thường phân vô cơ có các loại: phân đạm, phân lân, phân kali.

Phân hữu cơ giúp cho đất tơi, xốp, cung cấp nhiều loại thức ăn cho cây.

Phân vô cơ chỉ cung cấp một loại thức ăn cho cây.

Phân vô cơ không giúp cho đất tơi xốp.

CÂU HỎI

1. Đất cằn cho cây trồng như thế nào? Đốt rẫy, đốt nương có tác hại gì đối với đất?
2. Em hãy nêu tên các loại phân người ta thường bón cho cây.

THỰC HÀNH

Trồng hai cây con gần nhau, một cây có bón phân, một cây không bón phân, sau hai tuần, theo dõi và nhận xét.

CÂY LÚA NƯƠNG

1. Thời vụ gieo trồng và thu hoạch

Các dân tộc ở miền núi thường trồng lúa trên đồi (gọi là lúa nương hay lúa rẫy). Tùy từng vùng, từng giống lúa mà thời vụ gieo trồng và thu hoạch có chênh lệch nhau, thường vào khoảng tháng 2, 3, 4 là thời kì làm nương, rẫy và gieo trồng, đến khoảng tháng 8, 9, 10 là thu lúa về.

Để trồng lúa trên nương, rẫy, đồng bào thường làm theo cách: phát cây, cỏ, chặt dây leo gọi là phát nương, rẫy, chờ cho cây khô rồi đốt, sau đó nhặt sạch các cây, cành cháy không hết (gọi là đống nương, rẫy). Sau đó dùng cây gậy có đầu nhọn chọc lỗ xuống đất rồi thả hạt lúa giống vào và lấp đất lại. Sau một thời gian thì làm cỏ (mỗi vụ lúa làm cỏ từ một đến hai lượt). Đến thời kì thu hoạch thì thu lúa về.

2. Tác hại của việc trồng lúa theo kiểu đốt nương làm rẫy

Mỗi nương rẫy chỉ trồng được hai đến ba vụ, sau đó lúa thu được sẽ rất ít bởi vì chúng ta biết rằng muốn cây phát triển tốt thì đất phải tốt tức là phải tơi, xốp, có nhiều thức ăn. Nếu chỉ đốt nương, rẫy, dùng tro bón đất thì thức ăn của cây trong đất sẽ không thể đủ được.

Sau vài vụ, đất không trồng được nữa thì chúng ta lại phải làm nương, rẫy mới nghĩa là ta phải phá rừng, gây ra rất nhiều tác hại cho đời sống con người.

Vì thế sản xuất theo kiểu đốt nương, rẫy có hại nhiều hơn có lợi cần tránh.

CÂU HỎI

1. Đồng bào miền núi thường làm nương, rẫy như thế nào?
2. Ở địa phương em mọi người trồng và thu hoạch lúa nương, lúa rẫy vào những tháng nào?
3. Nếu tác hại của việc trồng lúa theo kiểu đốt nương, làm rẫy.

CÂY NGÔ - CÂY SẮN

1. Cây ngô (còn gọi là bắp)

Cây ngô (bắp) thường được trồng trên đồi, nương, nhiều khi ngô được trồng lẫn vào với đỗ, lạc (gọi là trồng xen). Nhưng ngô là cây ngắn ngày nên nếu cùng gieo hạt giống thì ngô được thu hoạch trước.

Tùy theo thời tiết từng vùng, tùy theo thói quen sản xuất của đồng bào mà ngô được trồng ở các thời kì khác nhau trong năm. Nhìn chung mỗi năm có hai vụ ngô chính là vụ ngô hè và vụ ngô đông.

Vụ ngô hè thường kéo dài từ khoảng tháng 4 đến tháng 8.

Vụ ngô đông thường kéo dài từ khoảng tháng 12 đến tháng 3.

Trồng ngô cũng được đồng bào tiến hành giống như trồng lúa.

2. Cây sắn (còn gọi là mì)

Sắn (mì) cũng là một loại cây lương thực được đồng bào trồng trên các đồi, sườn dốc.

Muốn trồng sắn người ta cũng phải làm nương giống như làm nương trồng lúa. Sau đó cuốc lật đất rồi đặt một cành sắn có ba hoặc bốn mắt (gọi là hom sắn), vùi kín lại. Sau một thời gian thì làm cỏ. Một vụ ba lượt làm cỏ.

Một vụ sắn thường kéo dài một năm. Cũng có khi người ta để hai năm mới thu hoạch.

Nhìn chung trồng sắn theo cách này sẽ làm cho đất rất chóng bị bạc màu (thiếu thức ăn cho cây). Nếu không bón phân cho đất thì chỉ sau ba hay bốn vụ là đất không trồng được nữa. Do đó, cần phải bón phân để giữ đất trồng lâu dài.

CÂU HỎI

1. Ở bản em người ta trồng ngô vào tháng nào, thu hoạch vào tháng nào?
2. Cha mẹ em trồng sắn như thế nào?
3. Muốn trồng cây trên một mảnh nương, rẫy lâu dài phải làm gì?

CÂY ĐẶC SẢN

1. Cây đặc sản là gì?

Ở nhiều địa phương có những giống cây đặc biệt và những giống cây này chỉ phát triển tốt ở những nơi đó. Người ta gọi chúng là cây đặc sản của địa phương.

Thí dụ: Ở tỉnh Bắc Thái có cây chè, ở Doan Hùng tỉnh Vĩnh Phú có cây bưởi, ở Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk có cây cà phê...

2. Kỹ thuật trồng cây đặc sản của địa phương (Giành cho địa phương tự biên soạn).

CÂU HỎI

1. Cây đặc sản ở địa phương em là cây gì?
2. Em hãy nói cách trồng những cây này?

THỰC HÀNH

Gieo trồng một loại cây đặc sản của địa phương.

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ KHAI THÁC RỪNG

1. Ích lợi của rừng

Rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên quý, hiếm, rừng cung cấp cho con người các loại cây gỗ, cây thuốc, rừng còn là nơi sinh sống của chim muông, thú vật. Nhờ có rừng mà sau các trận mưa, nước được giữ lại điều hòa, tránh cho những vùng thấp khỏi úng lụt vào mùa mưa và khô hạn vào mùa khô. Rừng không phải là nguồn vô tận, do đó muốn giữ được rừng ta phải biết bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, đồng thời biết cách khai thác rừng.

2. Quy hoạch rừng

Thông thường, tùy theo từng khu rừng cụ thể, người ta chia thành các khu vực nhỏ và quy định chế độ cho từng khu vực: có khu vực được khai thác (chặt cây), có khu vực phải được bảo vệ, có khu vực phải trồng cây.

Ngay trong khu vực được khai thác, người ta cũng có quy định chỉ được chặt những loại cây nào, cây to, cao bao nhiêu mới được chặt chứ không phải cây nào cũng chặt. Sau một thời gian khai thác thì khu vực này lại phải trồng cây. Muốn khai thác người ta lại phải chuyển sang khu vực khác theo quy định. Như thế người ta gọi là quy hoạch rừng.

Nhờ có quy hoạch rừng và mọi người thực hiện nghiêm chỉnh các quy định mà rừng được bảo vệ và phát triển tốt.

3. Kỹ thuật trồng và khai thác một hoặc hai loại cây rừng (giành cho địa phương biên soạn).

CÂU HỎI

1. Rừng có vai trò quan trọng như thế nào đối với đời sống con người?
2. Nêu kỹ thuật khai thác một loại cây rừng ở địa phương em.

THỰC HÀNH

Trồng một loại cây lấy gỗ ở địa phương em.

Rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên quý hiếm, rừng cung cấp cho con người các loại gỗ, cây thuốc, rừng còn là nơi sinh sống của chim muông, thú vật. Nhờ có rừng mà sau các trận mưa, nước được giữ lại điều hòa, tránh cho những vùng thấp khỏi úng lụt vào mùa mưa và khô hạn vào mùa khô. Rừng không phải là nguồn vô tận, do đó muốn giữ được rừng ta phải bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, đồng thời biết cách khai thác rừng.

MỤC LỤC

Trang

Chương I – VỆ SINH

Bài 1	Mắt	3
Bài 2	Tai	4
Bài 3	Mũi – Họng	6
Bài 4	Da	7
Bài 5	Bộ xương	9
Bài 6	Bộ xương (tiếp theo)	11
Bài 7	Cơ – Luyện tập cơ	12
Bài 8	Thức ăn và vệ sinh ăn uống	13
Bài 9	Sự tiêu hóa thức ăn	15
Bài 10	Vệ sinh răng – miệng	16
Bài 11	Các bệnh về đường tiêu hóa	17
Bài 12	Thực hành	18

Chương II – ĐỊA LÍ

Bài 13	Tên xã, huyện, tỉnh	19
Bài 14	Dân cư, dân tộc trong xã, huyện, tỉnh	19
Bài 15	Các ngành sản xuất chính	19
Bài 16	Tìm hiểu hình dạng mặt đất chính ở địa phương	19
Bài 17	Tìm hiểu một số loài vật nuôi, cây trồng chính ở địa phương	19
Bài 18	Tìm hiểu sông, suối, thác, hồ ở địa phương	19
Bài 19	Trái Đất – Ngày và đêm	19
Bài 20	Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời – Các mùa	21
Bài 21	Năm lịch – Mặt Trời, nguồn cung cấp nhiệt và ánh sáng cho Trái Đất	21
Bài 22	Bản đồ	22
Bài 23	Phương hướng	23
Bài 24	Đồi, núi, cao nguyên	24
	Những núi và cao nguyên lớn ở nước ta	24

Bài 25	Đồng bằng — Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ	25
Bài 26	Khoáng sản của nước ta	26
Bài 27	Đất trồng — Sử dụng và bảo vệ đất trồng ở miền núi	27
Bài 28	Động vật hoang dã và động vật nuôi Thực vật	28
Bài 29 — 30	Ích lợi của rừng — Bảo vệ rừng và chim, thú	29
Bài 31	Không khí	30
Bài 32	Sự tạo thành gió — Hướng gió — Gió mùa ở nước ta	31
Bài 33	Gió địa phương — Gió Lào — Gió núi và gió thung lũng	32
Bài 34	Nhiệt độ không khí	33
Bài 35	Sương móc, sương mù, sương muối — Ảnh hưởng của sương đối với cây trồng	34
Bài 36	Mây — Mưa — Mưa đá	35
Bài 37	Chớp, sét, sấm — Cột thu lôi	36
Bài 38	Khí hậu, thời tiết — Dự báo thời tiết	37
Bài 39	Nước trong thiên nhiên — Ba trạng thái của nước	38
Bài 40	Nước ngầm, nước nguồn, nước suối Vệ sinh nguồn nước	39
Bài 41	Nước cần thiết cho đời sống con người	40
Bài 42	Sông — Hồ	40
Bài 43	Biển	41
Bài 44	Việt Nam trên bản đồ thế giới	42
Bài 45	Dân số nước Việt Nam	44
Bài 46	Lào — Cam-pu-chia	45
Bài 47	Trung Quốc	48
Bài 48	Liên Xô	50
Chương III — KỸ THUẬT NÔNG — LÂM NGHIỆP		
Bài 49	Ánh sáng — Nhiệt độ	52
Bài 50	Không khí — Nước	53
Bài 51	Đất — Phân bón	54
Bài 52	Cây lúa nương	55
Bài 53	Cây ngô — Cây sắn	56
Bài 54	Cây đặc sản	57
Bài 55	Kỹ thuật trồng và khai thác rừng	57

huongmaitruongxua.v

**Tìm hiểu
TỰ NHIÊN
và XÃ HỘI 4**

In 18.000c, khổ 14,5 x 20,5 tại
XN in Hà Nội. Số in 03/12
Số XB 465. In xong và nộp
lưu chiểu tháng 4 năm 1992

Giá: 1.250 đ